

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
TỔ: TOÁN-TIN-GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
MÔN TOÁN – KHỐI LỚP 6
Năm học 2022- 2023

I. Đặc điểm tình hình:

1.1. Số lớp: 4 ; Số học sinh: 171;

1.2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên: 03;

Trình độ đào tạo: Đại học: 03;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 03;

1. 3. Thiết bị dạy học:

TT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Tivi	4/4 phòng học	Các bài học trong các chương (Từ chương I đến chương IX) và các bài Hoạt động thực hành trải nghiệm	
2	Máy vi tính có cài phần mềm GeoGebra (TH-TN)	3	Các bài học trong các chương (Từ chương I đến chương IX) và các bài Hoạt động thực hành trải nghiệm.	
3	Máy tính cầm tay	32	- Bài 4: Phép cộng và phép trừ số tự nhiên - Bài 5: Phép nhân và phép chia số tự nhiên. - Bài 6: Lũy thừa với số mũ tự nhiên. - Bài 7: Thứ tự thực hiện các phép tính. - Tấm thiệp và phòng học của em. - Sử dụng máy tính cầm tay. - Bài 29: Tính toán với số thập phân. - Bài 30: Làm tròn và ước lượng	

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

4	Thước thẳng có chia khoảng	02	<ul style="list-style-type: none"> - Bài 3: Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên - Bài 13: Tập hợp các số nguyên - Các bài học Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn. - Các bài học Chương V. Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên. - Các bài học Chương VIII. Những hình hình học cơ bản. - Tấm thiệp và phòng học của em - Bài 23: Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau - Bài 24: So sánh phân số. Hỗn số dương - Các bài Luyện tập chung; Bài tập cuối chương VI - Bài 40: Biểu đồ cột - Bài 41: Biểu đồ cột kép 	
6	Nhiệt kế	02	Bài 3: Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	
7	Bàn cờ vua	02	Bài 6: Lũy thừa với số mũ tự nhiên	
8	Thước đo góc	02	<ul style="list-style-type: none"> - Bài 37: Số đo góc - Luyện tập chung; Bài tập cuối chương VIII 	
9	Ê ke loại góc 45^0 Ê ke loại góc 60^0 (30^0)	02 02	<ul style="list-style-type: none"> - Các bài học Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn. - Các bài học Chương V. Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên. - Các bài học Chương VIII. Những hình hình học cơ bản. 	
10	Com pa	02	<ul style="list-style-type: none"> - Các bài học Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn. - Các bài học Chương V. Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên. - Các bài học Chương VIII. Những hình hình học cơ bản. 	
11	Kéo cắt giấy	04	<ul style="list-style-type: none"> - Bài 18: Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều - Bài 19: Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân. - Bài 21: Hình có trục đối xứng - Bài 22: Hình có tâm đối xứng - Tấm thiệp và phòng học của em 	
12	Giấy A4	1 Ram	<ul style="list-style-type: none"> - Bài 18: Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều - Bài 19: Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân. - Tấm thiệp và phòng học của em 	
13	Hộp xúc sắc	10	<ul style="list-style-type: none"> - Bài 42: Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm - Bài 43: Xác suất thực nghiệm 	
14	Giấy bìa	100 tờ	- Bài 42: Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm	

			- Bài 43: Xác suất thực nghiệm	
15	Băng dính hai mặt	05	Tắm thiệp và phòng học của em	
16	Nam châm	12 cái	Tất cả các bài học	
17	Bút màu	2 hộp	Tắm thiệp và phòng học của em.	
18	Phấn màu	1	Bài 41: Biểu đồ cột kép	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

TT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	
2	Phòng đa năng	01	Tắm thiệp và phòng học của em	
3	Sân chơi	01	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè	

2. Kế hoạch dạy học

2.1. Phân phối chương trình:

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết.

HKI: 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.

HKII: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ I					
1	Số học	1	Chương I. Tập hợp các số tự nhiên <i>Bài 1. Tập hợp</i>	1	- Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó. - Mô tả một tập hợp (cho một tập hợp). - Sử dụng kí hiệu và cách diễn đạt toán học nhờ tập hợp.
	Số học	2	<i>Bài 2. Cách ghi số tự nhiên</i>	1	- Nhận biết giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân. 1- Biểu diễn mỗi số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó. - Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 30.
	Số học	3	<i>Bài 3. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i>	1	- Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên. - So sánh hai số tự nhiên.
	Hình	4	Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn	3	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.

			<i>Bài 18.</i> Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 1)		- Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
2	Số học	5	<i>Bài 4.</i> Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	1	- Thực hiện phép cộng và phép trừ số tự nhiên. - Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng và phép trừ.
	Số học	6-7	<i>Bài 5.</i> Phép nhân và phép chia số tự nhiên	2	- Thực hiện phép nhân hai số tự nhiên. - Thực hiện phép chia hai số tự nhiên (chia hết và chia có dư). - Áp dụng tính chất của phép nhân và phép chia trong tính toán (tính nhẩm, tính hợp lí). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên.
	Hình	8	<i>Bài 18.</i> Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 2)	3	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
3	Số học	9	Luyện tập chung	1	- củng cố kiến thức từ bài 1 đến bài 5, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.
	Số học	10-11	<i>Bài 6.</i> Lũy thừa với số mũ tự nhiên	1	- Thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa với số mũ tự nhiên. - Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.
	Hình	12	<i>Bài 18.</i> Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 3)	3	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
4	Số học	13	<i>Bài 7.</i> Thứ tự thực hiện các phép tính	1	- Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính giá trị của một biểu thức.
	Số học	14-15	Luyện tập chung và ôn tập chương I	2	- củng cố kiến thức và chữa các bài tập của hai bài Lũy thừa với số mũ tự nhiên và Thứ tự thực hiện các phép tính, bổ sung các bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết kiến thức nhiều bài học.

					<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương. - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.
	Hình	16	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 1)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
5	Số học	17-18	Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Tìm các ước và bội của một số tự nhiên. - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số.
	Số học	19	Bài 9. Dấu hiệu chia hết (Tiết 1)	2	- Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.
	Hình	20	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 2)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
6	Số học	21	Bài 9. Dấu hiệu chia hết (Tiết 2)	2	- Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.
	Số học	22-23	Bài 10. Số nguyên tố	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết khái niệm số nguyên tố và hợp số. - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.
	Hình	24	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 3)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
7	Số học	25-26	Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất	2	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. - Nhận biết phân số tối giản.
	Số học	27	Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất (Tiết 1)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số.

	Hình	28	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 1)	3	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
8	Số học	29	Bài 12. Bội chung. BCNN (Tiết 2)	2	- Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số.
	Số học	30	Luyện tập chung	1	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Tìm ƯCLN và BCNN. - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thực tiễn.
	Số học	31	Ôn tập chương II	1	- Củng cố kiến thức toàn toàn chương 2. - Vận dụng kiến thức để giải các bài toán thực tiễn.
	Hình	32	Bài 20. Chu vi và diện tích một số tứ giác đã học (Tiết 2)	3	- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
9	Số học + Hình học	33-34	Ôn tập giữa kì 1	2	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Củng cố kiến thức chương 2, tổng hợp có hệ thống về tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên, số nguyên tố, hợp số, ước và bội, ước chung và ƯCLN - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn
	Số học + Hình học	35-36	Kiểm tra giữa HK1	2	Qua kiểm tra Kiến thức, đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, sáng tạo.
10	Số học	37-38	Chương III. Số nguyên Bài 13. Tập hợp các số nguyên	2	- Nhận biết, đọc và viết số nguyên. - Nhận biết tập hợp số nguyên. - Nhận biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình huống thực tế. - Biểu diễn số nguyên trên trục số. - So sánh hai số nguyên.
	Số học	39	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 1)	3	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lý. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.

	Hình	40	<i>Bài 20.</i> Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 3)	3	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
11	Số học	41-42	<i>Bài 14.</i> Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 2,3)	3	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.
	Số học	43	<i>Bài 15.</i> Quy tắc dấu ngoặc	1	- Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhẩm hay tính hợp lí.
	Hình	44	Luyện tập chung (Tiết 1)	2	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
12	Số học	45-46	Luyện tập chung	2	- củng cố kiến thức, chữa các bài tập của các bài từ 13 đến 15, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.
	Số học	47	<i>Bài 16.</i> Phép nhân số nguyên (Tiết 1)	2	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.
	Hình học	48	Luyện tập chung (Hình-tiết 2 KTTX)	2	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
13	Số học	49	<i>Bài 16.</i> Phép nhân số nguyên (Tiết 2)	2	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.
	Số học	50	<i>Bài 17.</i> Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	1	- Thực hiện phép chia hết đối với số nguyên. - Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên. - Nhận biết, tìm ước và bội của một số nguyên.
	Số học	51	Luyện tập chung (Tiết 1)	2	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).

	Hình	52	Ôn tập chương IV	1	- Ôn tập, tổng kết được toàn bộ các bài học trong chương và luyện tập được kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gần với các bài tập thực tế.
14	Số học	53	Luyện tập chung (Tiết 2)	2	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).
	Số học	54	Ôn tập chương III	1	- củng cố kiến thức toàn toàn chương 3. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.
	TH-TN	55	Sử dụng máy tính cầm tay	1	- Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân.
	Hình	56	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 1)	2	- Nhận biết hình có trục đối xứng. - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản
15	TH-TN	57-58	Tám thiệp và phòng học của em	2	- Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mỹ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, ...
	Hình	59	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 2)	2	- Nhận biết hình có trục đối xứng. - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản
	Hình	60	Bài 22. Hình có tâm đối xứng (Tiết 1)	2	- Nhận biết hình có tâm đối xứng. - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản.
16	Số học	61	Chương VI. Phân số Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau (Tiết 1)	2	- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số. - Rút gọn phân số.
	Hình	62	Bài 22. Hình có tâm đối xứng (Tiết 2)	2	- Nhận biết hình có tâm đối xứng. - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Gấp giấy, cắt được một số hoa văn trang trí, một số hình có tâm đối xứng đơn giản.
	Hình	63-64	Luyện tập chung	2	- Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng. - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.

					- Khôi phục hình có trục đối xứng, tâm đối xứng (đơn giản) từ một phần cho trước.
17	Hình	65 66	Ôn tập chương V Ôn tập cuối HKI (hình)	1 1	- củng cố lại kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập, kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán cụ thể. - Linh hoạt với các hoạt động trải nghiệm đơn giản để tạo hứng khởi cho học sinh
	Số học+ hình học	67- 68	Ôn tập cuối HKI	2	- Hệ thống và củng cố các kiến thức cơ bản - Rèn luyện kỹ năng giải bài tập - Nâng cao khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập. - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
18	Số học+ hình học	69- 70	Kiểm tra cuối HK1	2	Qua kiểm tra Kiến thức, đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
	TH-TN	71- 72	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thẳng, góc, ... đến các hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, ... và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng.
HỌC KỲ II					
19	Số học	73	Chương VI. Phân số <i>Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau (Tiết 2)</i>	2	- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số. - Rút gọn phân số.
	Số học	74- 75	<i>Bài 24. So sánh phân số. Hỗn số dương</i>	2	- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số. - Nhận biết được hỗn số dương. - Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. - So sánh được hai phân số cùng mẫu và khác mẫu. - Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan.
	Hình	76	Chương VIII. Những hình học cơ bản <i>Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 1)</i>	3	- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt

20	Số học	77	Luyện tập chung (Tiết 1)	3	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số
	Số học	78+7 9	Luyện tập chung (Tiết 2+3)	3	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương; - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.
	Hình	80	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 2)	3	- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng. - Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng.
21	Số học	81- 82	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 1,2)	2	- Nhận biết được quy tắc cộng phân số. - Nhận biết số đối của một phân số - Thực hiện được phép cộng phân số.
	Số học	83	Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số (Tiết 1)	2	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số. - Thực hiện được phép nhân và chia phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép nhân phân số - Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán có liên quan.
	Hình	84	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 3)	3	- Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau. - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan
22	Số học	85	Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số (Tiết 2)	2	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số. - Thực hiện được phép nhân và chia phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép nhân phân số - Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân với phép cộng trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán có liên quan.
	Số học	86	Bài 27. Hai bài toán về phân số	1	- Tìm giá trị phân số của một số cho trước. - Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hai bài toán về phân số.
	Số học	87	Luyện tập chung (Tiết 1)	2	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Phép cộng và phép trừ phân số. - Phép nhân và phép chia phân số.

					<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính. - Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ. - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn
	Hình	88	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 1)	2	Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.
23	Số học	89	Luyện tập chung (Tiết 2)	2	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: <ul style="list-style-type: none"> - Phép cộng và phép trừ phân số. - Phép nhân và phép chia phân số. - Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính. - Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ. - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn
	Số học	90	Ôn tập chương VI	1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức của chương để chữa và làm các bài tập tổng hợp cuối chương.
	Số học	91	Chương VII. Số thập phân Bài 28. Số thập phân	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân. - So sánh hai số thập phân. - Sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.
	Hình	92	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 2)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau. - Giải các bài toán thực tế có liên quan.
24	Số học	93-94-95	Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 1,2,3)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân. - Thực hiện được các phép tính cộng và trừ số thập phân. - Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.
	Hình	96	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 1)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng. - Đọc được tên đoạn thẳng
25	Số học	97	Bài 30. Làm tròn và ước lượng	1	<ul style="list-style-type: none"> - Làm tròn số thập phân. - Ước lượng kết quả phép đo, phép tính. - Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.

	Số học	98-99	<i>Bài 31.</i> Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm (Tiết 1+2)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng. - Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số phần trăm.
	Hình	100	<i>Bài 34.</i> Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 2)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng. - Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài. - Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng.
26	Số học	101-102	Luyện tập chung (Tiết 1,2).	2	- Hệ thống được các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.
	Hình	103	<i>Bài 35.</i> Trung điểm của đoạn thẳng	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được trung điểm đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng.
	Hình	104	Luyện tập chung (Tiết 1)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau. - Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, của đoạn thẳng. - Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.
27	Số học	105	Ôn tập chương VII (<i>Ôn tập kiểm tra giữa học kỳ 2</i>)	1	- Hệ thống được các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.
	Số học + Hình học	106	Ôn tập KT giữa kì II	1	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống và củng cố các kiến thức cơ bản - Rèn luyện kỹ năng giải bài tập - Nâng cao khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập. - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.

	Số học +Hình học	107-108	Kiểm tra giữa HK2	2	Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.
28	TK-XS	109-110	Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm <i>Bài 38. Dữ liệu và thu thập dữ liệu (Tiết 1+2)</i>	2	- Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu. - Thu thập dữ liệu.
	TK-XS	111	<i>Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 1)</i>	2	- Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê. - Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.
	Hình	112	Luyện tập chung (Tiết 2)	2	- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau. - Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng. - Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.
29	TK-XS	113	<i>Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 2)</i>	2	- Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê. - Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.
	TK-XS	114-115	<i>Bài 40. Biểu đồ cột (Tiết 1+ 2)</i>	2	- Vẽ được biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước. - Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột. - Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột.
	Hình	116	<i>Bài 36. Góc (Tiết 1)</i>	2	- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc. - Nhận biết góc bẹt.
30	TK-XS	117-118	<i>Bài 41. Biểu đồ cột kép</i>	2	- Vẽ biểu đồ cột kép; đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột kép. - Nhận ra quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép.

			(Tiết 1+2)		
	TK-XS	119	Luyện tập chung (Tiết 1)	2	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.
	Hình	120	Bài 36. Góc (Tiết 2)	2	- Nhận biết điểm nằm trong của một góc.
31	TK-XS	121	Luyện tập chung (Tiết 2)	2	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.
	TK-XS	122-123	Bài 42. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm (Tiết 1+ 2)	2	- Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi thí nghiệm. - Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản. - Nhận biết một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có xảy ra hay không.
	Hình	124	Bài 37. Số đo góc (Tiết 1)	2	Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.
32	TK-XS	125	Bài 43. Xác suất thực nghiệm	1	Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm.
	TK-XS	126	Luyện tập chung	1	HS được làm thí nghiệm, thu thập dữ liệu (kết quả của thí nghiệm), tính xác suất thực nghiệm của một số sự kiện dựa trên kết quả thu.
	TK-XS	127	Ôn tập chương IX (Tiết 1)	2	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	Hình	128	Bài 37. Số đo góc (Tiết 2)	2	Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.
33	TK-XS	129	Ôn tập chương IX (Tiết 2)	2	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	TH-TN	130	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	1	- Giúp HS làm quen với việc xây dựng một kế hoạch đơn giản về tài chính. - Áp dụng được các kiến thức về tỉ số phần trăm vào những vấn đề cụ thể trong đời sống.
	TH-TN	131	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè (Tiết 1)	2	- Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường (địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lý dữ liệu và phân tích dữ liệu.

	Hình	132	Luyện tập chung	1	Nắm vững kiến thức về góc, điểm nằm trong của góc; số đo góc; các góc đặc biệt.
34	TH-TN	133	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè (Tiết 2)	2	- Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường (địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lý dữ liệu và phân tích dữ liệu.
	TH-TN	134-135	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2	- Hiểu được tính năng của các hộp công cụ trên giao diện của phần mềm GeoGebra. - Vẽ được các hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng bằng phần mềm GeoGebra.
	Hình	136	Ôn tập chương VIII	1	Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
35	Số học	137-138	Ôn tập cuối HK2 (Tiết 1+2)	2	Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan
		139-140	Kiểm tra cuối HK2	2	Qua kiểm tra kiến thức, đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng HS - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo.

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian(1)	Thời điểm(2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 8	Các kiến thức chương I - II (Số học) và 2 bài học 18 – 19 (Hình học)	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	Các kiến thức môn Toán 6 ở Học kỳ I	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Giữa Học kỳ II	60 phút	Tuần 27	Các kiến thức chương VI - VII (Số học) và 2 bài học 32 – 34 (Hình học)	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Cuối Học kỳ II	60 phút	Tuần 35	Các kiến thức môn Toán 6 ở Học kỳ II	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận

3. Các nhiệm vụ khác: Bồi dưỡng môn Toán lớp 6

a) Bồi dưỡng học sinh giỏi:

Tuần	Nội dung	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
9	Tập hợp số tự nhiên	3		Máy tính bỏ túi	Phòng học
	Luỹ thừa với số mũ tự nhiên	3		Máy tính bỏ túi	Phòng học
10	Dãy số tự nhiên viết theo quy luật	6		Máy tính bỏ túi	Phòng học
11	Tính chất chia hết- Dấu hiệu chia hết	2		Máy tính bỏ túi	Phòng học
	Chữ số tận cùng	2		Máy tính bỏ túi	Phòng học
	Ôn tập lần 1	2		Máy tính bỏ túi	Phòng học
12	Số nguyên tố- Hợp số, Số chính phương	6		Máy tính bỏ túi	Phòng học
13	ƯCLN - BCNN	6		Máy tính bỏ túi	Phòng học
14	Chu vi và diện tích các tứ giác đã học	6		Máy tính bỏ túi, Êke, Thước	Phòng học
15	Số nguyên	4		Máy tính bỏ túi	Phòng học
	Ôn tập lần 2	2		Máy tính bỏ túi, Êke, Thước	Phòng học
20	Phân số. dãy phân số viết theo quy luật	6		Máy tính bỏ túi	Phòng học
21	Tính toán với phân số, số thập phân	6		Máy tính bỏ túi	Phòng học
22	Một số bài toán cực trị	6		Máy tính bỏ túi	Phòng học
23-24	Một số hình hình học cơ bản	12		Máy tính bỏ túi, Êke, Thước	Phòng học
25	Một số bài toán về xác suất thống kê	6		Máy tính bỏ túi	Phòng học
26-29	Ôn tập	18-24		Máy tính bỏ túi, Êke, Thước	Phòng học

b) Phụ đạo học sinh yếu kém: (Chờ kế hoạch của nhà trường)

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

1. Khối lớp: 6; Số học sinh: 171 HS

TT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Ngoại khóa: <i>Em yêu máy tính Casio</i>	- Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân.	02	Tháng 12/2022	Hội trường	TTCM	GV tổ	- Phòng hội trường có trang bị ghế đảm bảo điều kiện 5K - MTXT, máy chiếu (ti vi) mỗi HS 1 máy tính Casio, các slide trình chiếu
2	Hoạt động thực hành trải nghiệm	HS biết sử dụng phần mềm Geogebra để vẽ một số các hình	02	Tháng 4/2023	Phòng Tin	TTCM	Cô Tính, Cô Tuyên, Thầy Chín	Máy vi tính, Tivi, Các máy tính ở phòng Tin đã được cài đặt phần mềm Geogebra.

TỔ TRƯỞNG

Phan Thị Bích Liễu

Tam Kỳ, ngày tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
TỔ: TOÁN-TIN-GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
MÔN TOÁN – KHỐI LỚP 7
Năm học: 2022 – 2023

I. Đặc điểm tình hình:

1. Số lớp: 03 lớp; Số học sinh: 125 em

2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Đại học: 02; Cao đẳng: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02; Khá: 0

3. Thiết bị dạy học:

1.3. Thiết bị dạy học:

TT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu (ti vi)	2/2 phòng	Các bài học trong các chương (Từ chương I đến chương X) và các bài Hoạt động thực hành trải nghiệm	
2	Máy tính cầm tay, thước thẳng, phiếu học tập	02	Các bài học trong các chương (Từ chương I đến chương X) và các bài Hoạt động thực hành trải nghiệm	
3	Thước đo góc, eke	02	Các bài học Chương III: Góc và đường thẳng song song	
			Các bài học Chương IV: Tam giác bằng nhau	
			Các bài học Chương IX: Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác	
4	Com pa	02	Bài 7: Tập hợp các số thực	
			Các bài học Chương IV: Tam giác bằng nhau	
			Bài 18: Biểu đồ hình quạt tròn	
			Bài 35: Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao	
5	Kéo cắt giấy	04	Bài 6: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	
			Luyện tập chung	

	Giấy bì	1 Ram	Bài 8: Góc ở vị trí đặc biệt	
			Bài 12: Tổng các góc trong một tam giác	
			Bài 13: Hai tam giác bằng nhau..	
			Bài 34: Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác trong một tam giác	
			Bài 36: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	
			Bài 37: Hình lăng trụ đứng tam giác,..	
			Hộp quà và chân đế lịch để bàn của em	HĐTN
6	Máy tính có cài đặt phần mềm GeoGebra	02	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	HĐTN
7	Hộp xúc sắc	08	Các bài học Chương VIII: Làm quen với biến cố và xác suất	
8	Đồng xu	08		
9	Vòng quay	02		
10	Giấy kiểm tra	200	Kiểm tra giữa HKI – cuối HKI	
			Kiểm tra giữa HK II – cuối HK II	
11	Nam châm gắn bảng	12	Tất cả các bài học	
12	Phấn màu	1 hộp	Các bài học phần Hình học phẳng	
13	Các mô hình hình học trực quan	01 bộ	Các bài học Chương X: Một số hình khối trong thực tiễn	

1.4. Phòng học bộ môn:

TT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng máy vi tính	1 phòng	Sử dụng để giảng dạy bài: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	
2	Máy tính bàn đều có cài phần mềm GeoGebra	22 máy/Phòng	Sử dụng để học bài: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	

II. Kế hoạch dạy học:

2.1. Phân phối chương trình:

HỌC KỲ I

(18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết)

Số và đại số: 24 tiết

Thống kê và xác suất: 11 tiết

Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ: 3 tiết

Hình học và đo lường: 26 tiết

Thực hành và trải nghiệm: 4 tiết

Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ: 4 tiết

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
1	1,2	Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ	- Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ Q , số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. - Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số. - So sánh hai số hữu tỉ.	1	1,2	Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	- Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. - Nhận biết tia phân giác của 1 góc - Vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập
2	3,4	Bài 2. Cộng trừ nhân chia các số hữu tỉ	- Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong Q . - Vận dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý.	2	3,4	Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết.	- Nhận biết các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng. - Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.
3	5,6	<i>Luyện tập chung</i>	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lý.	3	5,6	<i>Luyện tập chung</i>	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Quan sát hình vẽ, gọi tên các cặp góc so le trong, đồng vị. - Giải thích được hai đt song song bằng dấu hiệu nhận biết.
4	7,8	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ ($t1,2$)	- Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. - Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số,	4	7,8	Bài 10. Tiên đề Euclid, tính chất hai đường thẳng song song	- Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song. - Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
							- Biết cách vẽ hai đường thẳng song song
5(*)	9	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t3)	- Thực hiện tính lũy thừa của lũy thừa.	5	9	Bài 11. Định lý và chứng minh định lý	- Nhận biết định lý, giả thiết, kết luận của định lý và viết gọn bằng kí hiệu. - Làm quen với chứng minh định lý
	10	Bài 4. Thứ tự thực hiện các phép tính (t1)	- Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính được giá trị biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa và dấu ngoặc.		10	<i>Luyện tập chung</i>	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Vẽ hình, viết GT, KL của định lý bằng kí hiệu. - Bước đầu biết suy luận để chứng minh định lý.
6	11	Bài 4. Quy tắc chuyển vế (t2)	- Mô tả được quy tắc chuyển vế. - Áp dụng quy tắc chuyển vế vào giải toán (dạng tìm x).	6	11	Ôn tập cuối chương III	Rèn luyện cho HS các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
	12	<i>Luyện tập chung</i>	+ Củng cố các kiến thức về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện các phép tính và các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ.		12	Bài 12. Tổng các góc trong tam giác	Giải thích tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ
7	13	<i>Luyện tập chung</i>		7	13, 14	Bài 13. Hai tam giác bằng nhau Trường hợp bằng nhau thứ nhất	Nhận biết hai tam giác bằng nhau. Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh
	14	Bài tập cuối chương I	+ Rèn luyện cho HS các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.				
8	1	Ôn tập giữa HK I	- Nắm được các kiến thức đã học qua SĐTD - Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải các bài toán. Các bài toán thực tiễn	8	15	<i>Luyện tập chung</i>	+ Củng cố các kiến thức về tìm số đo góc, các trường hợp bằng nhau của tam giác + Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
	3	KT - ĐG giữa HK I	<ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song ... 		2	Ôn tập giữa HK I	<ul style="list-style-type: none"> Nắm được các kiến thức đã học qua SĐTD Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải các bài toán. Các bài toán thực tiễn
9	15,16	Bài 5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	Nhận biết số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước	9	16,17	Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác.	Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g. Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản
10	17,18	Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	Nhận biết số vô tỉ Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	10	18,19	<i>Luyện tập chung</i>	Củng cố các kiến thức các trường hợp bằng nhau của tam giác
11(*)	19,20,21,22	Bài 7. Tập hợp các số thực <i>Luyện tập chung (tiết 1)</i>	Nhận biết số thực, Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực, số đối và giá trị tuyệt đối của số thực.	11			
12	23,24	<i>Luyện tập chung (tiết 2)</i> Bài tập cuối chương II	+ Củng cố các kiến thức về số thực, các phép toán trên tập hợp số thực. + Rèn luyện cho HS các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết bài tập, các vấn đề thực tiễn.	12	20,21	Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
13	1,2	Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu	Thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, bảng hỏi. Phân loại dữ liệu. Nhận biết tính đại diện của dữ liệu.	14	22, 23	Bài 16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng	Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực. Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập.
14	3,4,5	Bài 18. Biểu đồ quạt tròn	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn	14	24	<i>Luyện tập chung</i>	Vận dụng kiến thức để giải các bài tập
15	6,7,8	Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng. Vẽ biểu đồ đoạn thẳng Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng	15	25	<i>Luyện tập chung</i>	Vận dụng kiến thức để giải các bài tập
16	9, 10, 11	<i>Luyện tập chung</i> Bài tập cuối chương V	Rèn luyện cho HS các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	16	26	Bài tập cuối chương IV	Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
17		Ôn tập cuối HK I	- Nắm được các kiến thức đã học qua SĐTD - Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải toán. Các bài toán thực tiễn	17		Ôn tập cuối HK I	- Nắm được các kiến thức đã học qua SĐTD - Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải toán. Các bài toán thực tiễn
	3	KT - ĐG cuối HK I	- Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra		4	KT - ĐG cuối HK I	- Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
			- Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cần thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập				- Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. - Cần thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập
18	3,4	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam	Tìm hiểu về dân số Việt Nam.	18	1,2	Vẽ hình đơn giản với GeoGebra	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như: hai đường thẳng song song, tia phân giác của một góc, đường trung trực của đoạn thẳng, tam giác biết một số yếu tố

HỌC KỲ 2

(17 tuần x 4 tiết/ tuần = 68 tiết)

Số và đại số: 28 tiết
 Thống kê và xác suất: 6 tiết
 Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ: 3 tiết

Hình học và đo lường: 22 tiết
 Thực hành và trải nghiệm: 5 tiết
 Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ: 4 tiết

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
19	1,2	Tỉ lệ thức	Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tính toán	19	1,2	Bài 31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác.	Nhận biết hai định lý về cạnh và góc đối diện trong tam giác.
20	3	Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	Nhận biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán	20	3	Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng. Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên
	4	Luyện tập chung	+ Hiểu rõ định nghĩa, tính chất để lập được tỉ lệ thức		4	Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác	Nhận biết liên hệ về độ dài giữa 3 cạnh trong một tam giác

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
21	5	<i>Luyện tập chung</i>	+ Vận dụng hai tính chất để làm các bài toán liên quan.	21	5,6	<i>Luyện tập chung</i>	+ củng cố các kiến thức quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác + Rèn luyện cho HS các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
	6	Đại lượng tỉ lệ thuận	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận				
22	7	Đại lượng tỉ lệ thuận	Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận	22	7	Sự đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác.	Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
	8	Đại lượng tỉ lệ nghịch	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch		8	Sự đồng quy của ba đường phân giác trong một tam giác.	Nhận biết đường phân giác của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường phân giác trong tam giác
23	9	Đại lượng tỉ lệ nghịch	Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch	23	9	Sự đồng quy của 3 đường trung trực trong 1 tam giác	+ Nhận biết đường trung trực của tam giác. + Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung trực trong một tam giác.
	10	<i>Luyện tập chung</i>	+ Vận dụng được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ.		10	Sự đồng quy của ba đường cao trong 1 tam giác	+ Nhận biết đường trung trực của tam giác. + Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung trực trong một tam giác.
24	11,12	<i>Luyện tập chung</i> Bài tập cuối chương VI	+ Chỉ ra được hệ số tỉ lệ khi biết công thức. + Vận dụng tính chất để lập được tỉ lệ thức	24	11,12	<i>Luyện tập chung</i>	+ Rèn luyện kiến thức về sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
			+ Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận, nghịch.				trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết bài tập liên quan.
25	13,	Biểu thức đại số	Nhận biết biểu thức số và biểu thức đại số. Tính giá trị của biểu thức đại số.	25	13	Ôn tập cuối chương IX.	Củng cố và vận dụng kiến thức về quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác, quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác, sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan.
	14,15	Bài 25. Đa thức một biến (t1,2).	Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức. Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó Thu gọn và sắp xếp đa thức. Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.				
26	16	Bài 25. Đa thức 1 biến (t3).	Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. Nhận biết nghiệm của 1 đa thức	26	2	Ôn tập giữa HK II	- Nắm được các kiến thức đã học qua SĐTD - Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải các bài toán. Các bài toán thực tiễn
	1	Ôn tập giữa HK II	- Nắm được các kiến thức đã học qua SĐTD - Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải các bài toán. Các bài toán thực tiễn		3	Kiểm tra giữa HK II	- Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cần thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập
27	17,18	Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức. Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức. Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.	27	14, 15	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t1,2)	Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
28	19,20	Luyện tập chung	+ Vận dụng tính giá trị của biểu thức + Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.	28	16,17	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t3) Luyện tập	quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
29	21,22	Phép nhân đa thức một biến	+ Thực hiện phép nhân hai đa thức cùng biến. + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.	29	18,19	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (t1,2)	Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
30	23,24	Phép chia đa thức một biến	+ Thực hiện các phép tính chia hai đa thức 1 biến. + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.		20,21	Bài 38. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác(t3) Luyện tập	Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
31	25	Phép chia đa thức một biến			22	Bài tập cuối chương X	+ Củng cố các kiến thức của hình hộp chữ nhật, hình lập phương + Củng cố các kiến thức của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác. + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
	26	Luyện tập chung	+ Thực hiện các phép tính nhân, chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.	31	1	Làm quen với biến cố (t1)	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
32	27	<i>Luyện tập chung</i>	<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện các phép tính nhân, chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán. 	32	2	Làm quen với biến cố (t2)	
					3,4	Làm quen với xác suất của biến cố.	+ Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản
33	28	Bài tập cuối chương VII	<ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng tính giá trị của biểu thức + Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán. + Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán 	33	5,6	<i>Luyện tập chung</i> Bài tập cuối chương VIII	+ Nhận biết bài toán về biến cố, xác suất của biến cố; + Giải các bài tập liên quan.
					3	Vòng quay may mắn.	+ Làm quen với các biến cố và nhận ra được biến cố có xảy ra hay không + Cảm nhận được xác suất xảy ra mỗi biến cố nhiều hay ít
34	1	Ôn tập cuối HK II	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiến thức đã học qua SĐTD - Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải các bài toán. Các bài toán thực tiễn 	34	2	Ôn tập cuối HK II	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiến thức đã học qua SĐTD - Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải các bài toán. Các bài toán thực tiễn
	3	KT – ĐG cuối HKII	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc. 		4	KT – ĐG cuối HKII	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập
35	1,2	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống	Biết chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng thông dụng. Tính toán việc tăng, giảm theo giá trị. Tính được lãi suất		4,5	Hộp quà và chân đế lịch.	Vận dụng các kiến thức đã học để vẽ một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống Mĩ thuật,...

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian(1)	Thời điểm(2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	90 phút	Tuần 8	Vận dụng các kiến thức chương I + III để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Cuối Học kỳ I	90 phút	Tuần 17	Các kiến thức môn Toán 7 ở Học kỳ I	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần 26	Vận dụng các kiến thức chương VI + IX để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần 34	Các kiến thức môn Toán 7 ở Học kỳ II	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận

3. Các nhiệm vụ khác:

a) Bồi dưỡng học sinh giỏi:

TT (1)	Nội dung (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Thiết bị dạy học (6)	Địa điểm dạy học (7)
1	Số hữu tỉ và các phép toán	6	Tuần 9		Máy tính Casio, Tài liệu	Phòng học
2	Giá trị tuyệt đối	6	Tuần 10			Phòng học
3	Lũy thừa	6	Tuần 11			Phòng học
4	Tỉ lệ thức – tính chất dãy tỉ số bằng nhau	6	Tuần 12			Phòng học
5	Căn bậc hai số học	6	Tuần 13			Phòng học
6	Phân nguyên	6	Tuần 14			Phòng học
7	Tính chất bất biến trong bài toán quy luật	6	Tuần 15			Phòng học
8	Đại lượng tỉ lệ thuận	6	Tuần 19			Phòng học
9	Đại lượng tỉ lệ nghịch	6	Tuần 20			Phòng học
10	Biểu thức đại số - đa thức một biến	6	Tuần 21			Phòng học
11	Giá trị lớn nhất – nhỏ nhất	6	Tuần 22			Phòng học
12	Góc trong tam giác	6	Tuần 23		Thước thẳng, eke, compa. Tài liệu	Phòng học
13	Các trường hợp bằng nhau của tam giác	6	Tuần 24; 25			Phòng học
14	Quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác	6	Tuần 26			Phòng học

15	Ôn tập – giải đề	6	Tuần 27		Máy tính, Thước thẳng, eke, compa, thước đo góc. Đề thi	Phòng học
16	Ôn tập – giải đề	6	Tuần 28			Phòng học
17	Ôn tập – giải đề	6	Tuần 29			Phòng học

b) Phụ đạo học sinh yếu kém: *(Theo kế hoạch của nhà trường)*

TỔ TRƯỞNG

Phan Thị Bích Liễu

Tam Kỳ, ngày tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
MÔN TOÁN - KHỐI LỚP 8
Năm học: 2022 – 2023

I. Đặc điểm tình hình:

1. Số lớp: 04 lớp; Số học sinh: 154 em

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Đại học: 02; Cao đẳng: 0
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01; Khá: 01

3. Thiết bị dạy học:

TT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu (Tivi)	4/4 phòng học	Các bài học trong các chương (Từ chương I đến chương IX) và các bài Hoạt động thực hành trải nghiệm	
2	Giấy A4, giấy bìa	100 tờ	Các tiết hoạt động trải nghiệm	
3	Nam châm gắn bảng nhóm lên bảng đen	12 cái	Tất cả các bài học	
4	Phấn màu	1 hộp	Các tiết hình học	
5	Bảng phụ	6 cái/1 lớp	Các tiết dạy	
6	Giác kẻ, thước cuộn, thước kẻ, máy tính bỏ túi	4 cái	Đo gián tiếp chiều cao một vật. Đo khoảng cách giữa hai địa điểm trên mặt đất trong đó có một địa điểm không thể tới được Hoạt động trải nghiệm: Áp dụng tính diện tích hình chữ nhật, diện tích tam giác, đa giác.	
7	Eke, Đo góc, com pa	4 bộ	Các tiết hình	
8	Mô hình hình học không gian	4 cái	Chương IV: Hình không gian	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

TT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân chơi	01	TH-TN: Đo gián tiếp chiều cao một vật. Đo khoảng cách giữa hai địa điểm trên mặt đất trong đó có một địa điểm không thể tới được	
2	Phòng học hoặc phòng bộ môn	01/lớp	TH-TN: Áp dụng tính diện tích hình chữ nhật, diện tích tam giác, đa giác.	

II. Kế hoạch dạy học:

1. Phân phối chương trình

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
1 (Đại số)	§1. Nhân đơn thức với đa thức.	1	Phát biểu được quy tắc nhân đơn thức với đa thức. Thực hiện thành thạo phép nhân đơn thức với đa thức	
2 (Đại số)	§2. Nhân đa thức với đa thức.		Phát biểu được qui tắc nhân đa thức với đa thức Biết trình bày phép nhân đa thức theo các cách khác nhau	
1 (Hình học)	§1. Tứ giác		Nắm được định nghĩa tứ giác, tứ giác lồi, tổng các góc của tứ giác lồi. HS biết vẽ, biết gọi tên các yếu tố, biết tính các số đo góc của một tứ giác lồi.	
2 (Hình học)	§2. Hình thang		HS nắm được định nghĩa hình thang, hình thang vuông, các yếu tố của hình thang.	<i>Bài tập 10: Không yêu cầu</i>
3 (Đại số)	Luyện tập.	2	Vận dụng hai qui tắc nhân đơn thức với đa thức và đa thức với đa thức để làm bài tập HS thành thạo BT làm tình nhân và BT tìm x	
4 (Đại số)	§3. Những hằng đẳng thức đáng nhớ		HS viết được các hằng đẳng thức đáng nhớ: Bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu, hiệu hai bình phương.	
3 (Hình học)	§3. Hình thang cân		HS hiểu định nghĩa, các tính chất, dấu hiệu nhận biết hình thang cân.	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
			HS biết vẽ hình thang cân, biết sử dụng định nghĩa và tính chất của hình thang cân trong tính toán và chứng minh. Biết chứng minh một tứ giác là hình thang cân.	
4 (Hình học)	Luyện tập		Củng cố kiến thức lí thuyết về hình thang, hình thang vuông, hình thang cân, tính chất hình thang cân, dấu hiệu nhận biết hình thang cân. - Rèn luyện kỹ năng ứng dụng lí thuyết vào giải toán, rèn luyện tính chính xác và cách lập luận chứng minh hình học. - Giúp học sinh nhận biết mối liên hệ biện chứng của sự vật: Hình thang cân với tam giác cân, hai góc đáy của hình thang cân với hai đường chéo của nó.	
5 (Đại số)	Luyện tập		Củng cố kiến thức về hằng đẳng thức đáng nhớ 1,2,3 Học sinh vận dụng thành thạo các hằng đẳng thức để giải toán - Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận xét để áp dụng linh hoạt các hằng đẳng thức	
6 (Đại số)	§4. Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tt).	3	HS viết được các hằng đẳng thức, lập phương một tổng, lập phương một hiệu.	
5 (Hình học)	§4. Đường trung bình của tam giác, của hình thang		Hs nắm được định nghĩa, định lí 1,2; hiểu được đường trung bình của tam giác; Hs biết vận dụng các định lí để tính độ dài, chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau, hai đường thẳng song song	
6 (Hình học)	§4. Đường trung bình của tam giác, của hình thang(tt)		Hs nắm được định nghĩa, định lí 3,4; hiểu được đường trung bình của hình thang; Hs biết vận dụng các định lí để tính độ dài, chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau, hai đường thẳng song song	
7 (Đại số)	§5. Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tt).	4	HS viết được các HĐT: Tổng của 2 lập phương, hiệu của 2 lập phương, phân biệt được sự khác nhau giữa các khái niệm “ Tổng 2 lập phương”, “ Hiệu 2 lập phương” với khái niệm “ lập phương của 1 tổng”, “ lập phương của 1 hiệu”.	
8	Luyện tập §3; §4; §5		Củng cố kiến thức về bảy hằng đẳng thức đáng nhớ	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
(Đại số)			Học sinh vận dụng thành thạo các hằng đẳng thức để giải toán - Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận xét để áp dụng linh hoạt các hằng đẳng thức	
7	Luyện tập		Củng cố kiến thức về đường trung bình của tam giác của hình thang và vận dụng kiến thức để chứng minh hình học.	
(Hình học)	§5 Dựng hình bằng thước và compa			<i>Không dạy §5</i>
8 (Hình học)	§6. Đối xứng trục		HS hiểu được định nghĩa hai điểm đối xứng với nhau qua một đường thẳng; hai hình đối xứng với nhau qua một đường thẳng; nhận biết được hai đoạn thẳng đối xứng với nhau qua một đường thẳng Hiểu được định nghĩa về hình có trục đối xứng và qua đó nhận biết được một hình thang cân là hình có trục đối xứng	<i>Mục 2 và 3: Chỉ yêu cầu học sinh nhận biết được một hình cụ thể có đối xứng qua trục hay không, có trục đối xứng hay không. Không phải giải thích, chứng minh.</i>
9 (Đại số)	§6. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng pp đặt nhân tử chung.	5	Học sinh hiểu được thế nào là phân tích đa thức thành nhân tử. Biết cách tìm nhân tử chung và đặt nhân tử chung.	
10 (Đại số)	§7. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng pp dùng HĐT.		Học sinh biết dùng HĐT để phân tích một đa thức thành nhân tử. Rèn luyện kỹ năng tính toán, phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức.	
9 (Hình học)	Luyện tập		Củng cố kiến thức lí thuyết về đối xứng trục, hình có trục đối xứng. Rèn luyện kỹ năng vẽ điểm đối xứng với một điểm cho trước, đoạn thẳng đối xứng với một đoạn thẳng cho trước qua một đường thẳng Biết nhận ra một số hình có trục đối xứng trong thực tế. Bước đầu biết áp dụng tính đối xứng trục vào vẽ hình, gấp hình.	
10 (Hình học)	§7. Hình bình hành		HS hiểu được định nghĩa hình bình hành, tính chất và dấu hiệu nhận biết hình bình hành. HS biết cách vẽ hình bình hành. Nhận biết và biết cách chứng minh một tứ giác là hình bình hành	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
11 (Đại số)	§8. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng pp nhóm hạng tử.	6	Học sinh biết phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp nhóm hạng tử. Học sinh nhận xét các hạng tử trong đa thức để nhóm hợp lý và phân tích được đa thức thành nhân tử. Có kỹ năng phân tích đa thức thành nhân tử	Ví dụ 2: Thay thế ví dụ khác về sử dụng p. pháp nhóm làm xuất hiện hằng đẳng thức
12 (Đại số)	Luyện tập §6; §7; §8		Củng cố các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử đã học. Rèn luyện kỹ năng nhận dạng các đa thức để vận dụng các phương pháp phân tích hợp lý nhất.	
11 (Hình học)	Luyện tập		Củng cố được định nghĩa hình bình hành, tính chất và dấu hiệu nhận biết hình bình hành. Biết cách chứng minh một tứ giác là hình bình hành, Rèn kỹ năng chứng minh hình bình hành dựa vào 5 dấu hiệu nhận biết.	
12 (Hình học)	§8. Đối xứng tâm		Định nghĩa phép đối xứng tâm, hiểu phép đối xứng tâm hoàn toàn xác định khi biết tâm đối xứng. Tính chất và biểu thức tọa độ của phép đối xứng tâm. Xác định được phép đối xứng tâm. Xác định ảnh của một điểm, một hình qua phép đối xứng tâm. Biết cách tìm tâm đối xứng của một hình và nhận biết được hình có tâm đối xứng.	
13 (Đại số)	§9. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng cách phối hợp nhiều phương pháp.	7	- Học sinh biết vận dụng các phương pháp phân tích một đa thức thành nhân tử. - Rèn luyện tính năng động vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, tình huống cụ thể.	
14 (Đại số)	Luyện tập.		Ôn lại các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử. Rèn luyện kỹ năng giải bài tập phân tích đa thức thành nhân tử - HS giải thành thạo loại bài tập phân tích đa thức thành nhân tử - Củng cố, nâng cao khả năng phân tích đa thức thành nhân tử	
13 (Hình học)	Luyện tập		Củng cố kiến thức lý thuyết về đối xứng tâm Rèn luyện kỹ năng vẽ điểm đối xứng với một điểm cho trước, đoạn	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
			thẳng đối xứng với một đoạn thẳng cho trước qua một điểm - Biết nhận ra một số hình có tâm đối xứng trong thực tế. Bước đầu biết áp dụng tính đối xứng tâm vào vẽ hình, Biết chứng minh hai điểm đối xứng nhau qua một điểm.	
14 (Hình học)	§9. Hình chữ nhật		Hiểu định nghĩa, tính chất và dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật Biết vẽ hình chữ nhật, biết cách chứng minh một tứ giác là hình chữ nhật, biết vận dụng các kiến thức của hình chữ nhật vào tam giác (tính chất đường trung tuyến ứng với cạnh huyền của tam giác vuông và nhận biết tam giác vuông nhờ vào trung tuyến).	<i>Bài tập 62,66: Khuyến khích học sinh tự làm</i>
15 (Đại số)	Chủ đề: Phép chia đa thức		HS hiểu được khái niệm đa thức A chia hết cho đa thức B. HS nắm vững khi nào đơn thức A chia hết cho đơn thức B Hình thành quy tắc chia hai đơn thức HS thực hiện thành thạo phép chia đơn thức cho đơn thức Học sinh hiểu thế nào là phép chia hết, phép chia có dư. HS hiểu khi nào đa thức A chia hết cho đơn thức B HS thực hiện được phép chia đa thức cho đơn thức	Ghép §10, §11 và cấu trúc thành 01 bài: “Chia đa thức cho đơn thức” gồm 3 mục 1. Phép chia đa thức 2. Chia đơn thức cho đơn thức 3. Chia đa thức cho đơn thức
16 (Đại số)	Ôn tập giữa kì I	8	Hệ thống các kiến thức cơ bản của chương I: Các quy tắc: nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức, các hằng đẳng thức đáng nhớ, các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử, . . . Vận dụng được các kiến thức lí thuyết của chương để giải các loại bài tập trong chương.	
15 (Hình học)	Ôn tập giữa kì I		HS được hệ thống lại các kiến thức cơ bản về các tứ giác đã học trong chương (định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết). HS biết được mối quan hệ giữa các tứ giác đã học. HS được vận dụng được các tính chất của tứ giác đặc biệt để chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau, hai đường thẳng song song... HS vận dụng được dấu hiệu nhận biết để chứng minh một tứ giác là hình thang, hình thang cân, hình bình hành...	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
16 (Hình học)	Luyện tập		Củng cố lí thuyết về hình chữ nhật, biết chứng minh một tứ giác là hình chữ nhật Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết của hình chữ nhật để giải bài tập về tính toán chứng minh đơn giản	
17 (Đại số)	Chủ đề: Phép chia đa thức (tt)	9	Có kĩ năng chia đa thức một biến đã sắp xếp Biết vận dụng hằng đẳng thức khi thực hiện phép chia đa thức. Biết tìm số dư trong phép chia đa thức một biến đã sắp xếp	Kết hợp với §12. Chia đa thức một biến đã sắp xếp, gộp thành chủ đề “Phép chia đa thức” (Nếu kế hoạch KT giữa kì I vào cuối tuần 9 thì tiết 1 và 2 dạy trước KT giữa kì I, tiết thứ 3 dạy sau KT giữa kì I)
17 (Hình học)	§10. Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước		Nhận biết được định nghĩa khoảng cách giữa 2 đường thẳng song song, tính chất của các điểm cách 1 đường thẳng cho trước	Mục3. Đường thẳng song song cách đều: Không dạy
18 (Hình học)	Kiểm tra giữa kì		Kiểm tra và đánh giá học sinh về mức độ nhận biết và khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về: Các hằng đẳng thức; phép nhân đơn thức với đa thức, đa thức với đa thức, phân tích đa thức thành nhân tử vào trong giải toán.	
18 (Đại số)				
19 (Đại số)	Chủ đề: Phép chia đa thức (Luyện tập)	10	Có kĩ năng chia đa thức một biến đã sắp xếp Biết vận dụng hằng đẳng thức khi thực hiện phép chia đa thức. Biết tìm số dư trong phép chia đa thức một biến đã sắp xếp	
20 (Đại số)	Ôn tập chương 1		Hệ thống và củng cố các kiến thức cơ bản của chương I về nhân đa thức với đa thức, hằng đẳng thức đáng nhớ. Rèn luyện kỹ năng giải bài tập nhân đa thức với đa thức, áp dụng hằng đẳng thức trong chương. Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
			Nâng cao khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.	
19 (Hình học)	§11. Hình thoi		HS nắm vững định nghĩa, tính chất của hình thoi, hai tính chất đặc trưng của hình thoi (hai đường chéo vuông góc và là các đường phân giác của các góc của hình thoi), nắm được bốn dấu hiệu nhận biết hình thoi. HS biết dựa vào hai tính chất đặc trưng để vẽ hình thoi, nhận biết được tứ giác là hình thoi theo dấu hiệu của nó.	
20 (Hình học)	Luyện tập		Nắm được định nghĩa, tính chất và dấu hiệu nhận biết hình thoi Biết vận dụng các dấu hiệu nhận biết để chứng minh một tứ giác là hình thoi. Biết vận dụng các tính chất của hình thoi để làm bài tập	
21 (Đại số)	§1. Phân thức đại số hức.		Hiểu được Định nghĩa phân thức đại số; Tính chất hai phân thức bằng nhau; Điều kiện xác định của phân thức Xác định được điều kiện của biến để phân thức có nghĩa; Kiểm tra được hai phân thức có bằng nhau hay không; Tìm x để hai phân thức bằng nhau.	
22 (Đại số)	§2. Tính chất cơ bản của phân thức đại số		Học sinh nắm vững tính chất cơ bản của phân thức và các ứng dụng của nó. - Biết vận dụng tính chất cơ bản của phân thức để chứng minh hai phân thức bằng nhau.	
21 (Hình học)	§12. Hình vuông	11	Trình bày được định nghĩa hình vuông, tính chất của hình vuông, dấu hiệu nhận biết hình vuông. Biết cách vẽ một hình vuông, biết chứng minh một tứ giác là hình vuông. Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình vuông trong các bài toán chứng minh, tính toán và trong các bài toán thực tế.	
22 (Hình học)	Luyện tập		Hệ thống hoá kiến thức lí thuyết về hình vuông Biết áp dụng các định nghĩa, định lí để chứng minh các đường thẳng song song ,các đoạn thẳng bằng nhau, các đường thẳng vuông góc	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
			Rèn luyện kỹ năng ứng dụng lí thuyết để giải bài tập , và áp dụng vào thực tế	
23 (Đại số)	§3. Rút gọn phân thức	12	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nắm được cách rút gọn phân thức - Rèn kỹ năng rút gọn phân thức chính xác, nhanh chóng.Áp dụng thành thạo quy tắc đổi dấu để rút gọn. 	
24 (Đại số)	Luyện tập §1; §2; §3.§4..		<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách rút gọn phân thức - Rèn luyện kỹ năng rút gọn phân thức. Rèn luyện kỹ năng phân tích đa thức thành nhân tử. Biết cách đổi dấu để xuất hiện nhân tử chung. Rèn luyện khả năng phân tích một cách linh hoạt. 	
23 (Hình học)	Ôn tập chương I		<p>Hệ thống hoá kiến thức lí thuyết chương 1.</p> <p>Biết áp dụng các định nghĩa, định lí để chứng minh các đường thẳng song song ,các đoạn thẳng bằng nhau, các đường thẳng vuông góc, các định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết các loại tứ giác.</p> <p>Rèn luyện kỹ năng ứng dụng lí thuyết để giải bài tập và áp dụng vào thực tế.</p>	
24 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm		<p>HS vận dụng các kiến thức đã học để tìm ra các đồ vật có hình dạng về các loại tứ giác đã học, các hình có tính chất đối xứng trục, đối xứng tâm, có tính thẩm mỹ và sáng tạo...</p> <p>Biết trưng bày sản phẩm khoa học, đẹp mắt, sáng tạo</p> <p>Phát huy kĩ năng lắp ghép mô hình, trang trí nội thất</p>	<p>Có thể tổ chức các hoạt động:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tìm, trưng bày sản phẩm là các đồ vật có hình dạng về các loại tứ giác đã học, các hình có tính chất đối xứng trục, đối xứng tâm, có tính thẩm mỹ và sáng tạo... 2. Lắp ghép mô hình 3. Thực hành trang trí nội thất bằng các hình có tính chất đối xứng,

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
25 (Đại số)	Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức	13	- Học sinh biết quy đồng mẫu thức các phân thức, biết tìm MTC - Vận dụng được quy tắc đổi dấu và tính chất cơ bản của phân thức để quy đồng mẫu nhiều phân thức	<i>Bài tập 17: Không yêu cầu</i>
26 (Đại số)	Luyện tập		Hệ thống cách tìm mẫu thức chung, qui đồng mẫu thức. Tìm nhân tử phụ, quy đồng mẫu nhiều phân thức.	<i>Bài tập 20: Không yêu cầu</i>
25 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm		1HS vận dụng các kiến thức đã học để tìm ra các đồ vật có hình dạng về các loại tứ giác đã học, các hình có tính chất đối xứng trục, đối xứng tâm, có tính thẩm mỹ và sáng tạo... Biết trưng bày sản phẩm khoa học, đẹp mắt, sang tạo Phát huy kỹ năng lắp ghép mô hình, trang trí nổi bật	Có thể tổ chức các hoạt động: 1. Tìm, trưng bày sản phẩm là các đồ vật có hình dạng về các loại tứ giác đã học, các hình có tính chất đối xứng trục, đối xứng tâm, có tính thẩm mỹ và sáng tạo... 2. Lắp ghép mô hình 3. Thực hành trang trí nổi bật bằng các hình có tính chất đối xứng, nêu được vẻ đẹp của các hình có tính chất đối xứng.
26 (Hình học)	§1. Đa giác. Đa giác đều		HS biết được khái niệm đa giác lồi, đa giác đều. Biết cách tính tổng số đo các góc của một tam giác. Vẽ được và nhận biết một số đa giác lồi, một số đa giác đều. Biết cách vẽ các trục đối xứng và tâm đối xứng của một đa giác đều.	
27 (Đại số)	§5. Phép cộng phân thức đại số	14	- Biết thực hiện phép cộng các phân thức đơn giản - Vận dụng được các quy tắc cộng các phân thức đại số . - Áp dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc đổi dấu phân thức vào bài tập.	
28			Biết cách tìm MTC, thực hiện cộng các phân thức	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh	
(Đại số)	Luyện tập		Có kĩ năng phân tích biến đổi tìm MTC, thực hiện cộng các phân thức chính xác.		
27 (Hình học)	§2. Diện tích hình chữ nhật		HS biết được công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông, tam giác vuông.HS vận dụng được các công thức đã học và các tính chất của diện tích trong giải toán.	Bài tập 14, 15: khuyến khích học sinh tự học	
28 (Hình học)	§3. Diện tích tam giác		HS hiểu được công thức tính diện tích tam giác từ công thức tính diện tích tam giác vuông. Hiểu rõ rằng để chứng minh công thức tính diện tích tam giác, đã vận dụng công thức tính diện tích của tam giác vuông đã được chứng minh trước đó. vận dụng công thức và tính chất của diện tích để giải bài toán về diện tích		
29 (Đại số)	§6 Phép trừ phân thức đại số	15	Nắm được quy tắc trừ hai phân thức giống như quy tắc cộng hai phân thức. Vận dụng quy tắc trừ hai phân thức vào bài tập	Mục 1. Phân thức đối: Không dạy Mục 2. Phép trừ: Tiếp cận như cộng phân thức đại số.	
30 (Đại số)	Luyện tập		Biết cách tìm MTC, thực hiện cộng trừ các phân thức Có kĩ năng phân tích biến đổi tìm MTC, thực hiện cộng các phân thức chính xác.		
29 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm: Áp dụng tính diện tích hình chữ nhật, diện tích tam giác		Học sinh được đo đạc, tính diện tích sân trường, mảnh vườn, khu vui chơi, sân cầu lông... Từ đó học sinh tính số gạch (đã biết kích cỡ của viên gạch) cần mua để lát sân, lát tường, làm lối đi trong khu vườn...	Học sinh được đo đạc, tính diện tích sân trường, mảnh vườn, khu vui chơi, sân cầu lông... nói chung đối tượng cần xác định diện tích có dạng hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác vuông, hình tam giác. Từ đó yêu cầu học sinh tính số gạch cần mua để lát sân, lát tường,	
30 (Hình học)					

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
				làm lối đi trong khu vườn...
31 (Đại số)	§7 Phép nhân phân thức đại số	16	HS nắm vững và vận dụng quy tắc nhân hai phân thức. Biết và vận dụng tốt các tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân. Có ý thức nhận xét bài toán cụ thể để vận dụng. Biết rút gọn kết quả khi thực hiện phép nhân.	
32 (Đại số)	§8 Phép chia phân thức đại số		HS nắm được nghịch đảo của phân thức là phân thức và quy tắc <div> $\frac{A}{B} : \frac{C}{D} = \frac{A}{B} \cdot \frac{D}{C}$ </div> chia: $\frac{A}{B} : \frac{C}{D} = \frac{A}{B} \cdot \frac{D}{C}$ + Biết vận dụng quy tắc nhân đã học để làm phép tính và rút gọn kết quả. + Nắm vững thứ tự thực hiện các phép tính khi có một dãy các phép chia và phép nhân.	
33 (Đại số)	§Biến đổi biểu thức hữu tỉ		+ HS nắm được khái niệm biểu thức hữu tỉ, các phép toán trên các phân thức đại số, cách tìm điều kiện của biến số để giá trị của phân thức xác định. HS nắm được các phép toán trên các phân thức đại số, các tìm điều kiện của biến số để giá trị của phân thức xác định.	
31 (Hình học)	Ôn tập học kì I		Ôn tập và củng cố hệ thống kiến thức về tứ giác, đa giác và diện tích đa giác (hình chữ nhật và tam giác) Kĩ năng nhận dạng, phân tích và áp dụng các kiến thức đã học vào chứng minh bài tập và tính toán.	
34 (Đại số)	Luyện tập	17	Học sinh nắm vững được quy tắc biến đổi một biểu thức hữu tỷ Vận dụng bốn quy tắc cộng, trừ, nhân, chia phân thức để biến đổi biểu thức hữu tỷ. Nắm vững thứ tự thực hiện phép tính.	
35 (Đại số)	Ôn tập chương II		- Hiểu được hệ thống lại các khái niệm đã học trong chương II về: Phân thức đại số, hai phân thức bằng nhau, phân thức nghịch đảo, biểu thức hữu tỉ, tìm điều kiện của biến để giá trị của phân thức được xác định, biết thực hiện các phép toán trên các phân thức	<i>Bài tập 59: Khuyến khích học sinh tự làm</i>

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
36 (Đại số)	Ôn tập học kì 1		Củng cố các phép toán nhân chia, cộng trừ đa thức. Các hằng đẳng thức đáng nhớ Các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử. Vận dụng thành thạo các quy tắc.	
32 (Hình học)	Ôn tập học kì 1		Vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào chứng minh bài tập và tính toán.	
37 (Đại số)	Ôn tập học kỳ I	18	Củng cố các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân thức. Các tính chất cơ bản của phép toán. Vận dụng thành thạo các quy tắc.	
38 (Đại số)	Kiểm tra HKI		- Kiểm tra sự lĩnh hội kiến thức của học sinh trong chương trình đại số và hình học học kì I. Rèn kĩ năng tư duy tính toán chính xác, hợp lí. - Nghiêm túc trong giờ kiểm tra	
33 (Hình học)				
34 (Hình học)	Trả bài học kì I			

HỌC KỲ II

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
39 (Đại số)	§1 Mở đầu về phương trình	19	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh hiểu khái niệm về phương trình và các thuật ngữ như: Vế trái, vế phải, nghiệm của phương trình, tập nghiệm của phương trình. - Học sinh hiểu và biết cách sử dụng các thuật ngữ cần thiết khác để diễn đạt bài giải phương trình. 	
40 (Đại số)	§2 Phương trình bậc nhất và cách giải		Học sinh hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn. Hai quy tắc biến đổi phương trình,	
35 (Hình học)	§4. Diện tích hình thang		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nắm được công thức tính diện tích hình thang, hình bình hành. Chứng minh được công thức tính diện tích hình thang, hình bình hành. - Học sinh tính được diện tích hình thang, hình bình hành; <p>Học sinh làm quen với phương pháp đặc biệt hóa qua công thức tính diện tích hình bình hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục cho học sinh tính linh hoạt và chính xác. Tự học, siêng năng, hứng thú và có niềm tin trong học toán. 	
36 (Hình học)	§5. Diện tích hình thoi		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững công thức tính diện tích hình thoi. - Luyện kỹ năng sử dụng công thức tính diện tích hình bình hành để tự tìm kiếm công thức tính diện tích hình thoi, từ công thức tính diện tích của hình tam giác, làm công cụ để suy ra công thức tính diện tích hình tứ giác có hai đường chéo vuông góc. - HS được rèn luyện đức tính cẩn thận chính xác qua việc vẽ hình thoi và những bài tập về vẽ hình. Rèn luyện thao tác đặc biệt hóa của tư duy, tư duy logic, tư duy biện chứng. 	
41 (Đại số)	Luyện tập §1; §2	20	<ul style="list-style-type: none"> - HS biết cách giải phương trình bậc nhất một ẩn - HS biết cách kiểm tra một giá trị của ẩn có phải là nghiệm của phương trình hay không 	
42 (Đại số)	§3 Phương trình đưa được về dạng $ax + b$		<ul style="list-style-type: none"> - HS nắm được các phương pháp đưa pt về dạng $ax+b=0$ - HS được rèn năng lực tính toán, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, chủ động sáng tạo. 	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
37 (Hình học)	§6. Diện tích đa giác		<ul style="list-style-type: none"> Nắm vững các công thức tính diện tích các đa giác đơn giản, đặc biệt là các cách tính diện tích tam giác và hình thang Luyện kỹ năng sử dụng công thức tính diện tích các hình để áp dụng tính diện tích đa giác Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ, đo, tính. 	
38 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm: Áp dụng tính diện tích đa giác.		Dựa trên yêu cầu cần đạt của §6. “ Diện tích đa giác ” để tổ chức cho học sinh trải nghiệm đo đạc, tính diện tích mảnh vườn hoặc thửa ruộng...	Dựa trên yêu cầu cần đạt của §6. “ Diện tích đa giác ” để tổ chức cho HS trải nghiệm đo đạc, tính diện tích mảnh vườn hoặc thửa ruộng...
43 (Đại số)	Luyện tập	21	<ul style="list-style-type: none"> Học sinh được củng cố một số khái niệm về phương trình và cách giải phương trình đưa được về dạng $ax + b = 0$ Rèn kỹ năng giải các phương trình 	
44 (Đại số)	§4 Phương trình tích		HS nắm được ntn là phương trình tích <ul style="list-style-type: none"> Có kỹ năng áp dụng các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử để giải phương trình tích 	
39 (Hình học)	§1. Định lý Talet trong tam giác		HS nắm định nghĩa về tỉ số của hai đoạn thẳng + Tỉ số của hai đoạn thẳng là tỉ số độ dài của chúng theo cùng một đơn vị đo + Tỉ số của hai đoạn thẳng không phụ thuộc vào cách chọn đơn vị đo (miễn là khi đo chỉ cần chọn cùng một đơn vị đo) <ul style="list-style-type: none"> HS nắm vững định nghĩa về đoạn thẳng tỉ lệ. Nắm được định lý Ta-lét trong tam giác Nắm được và vận dụng định lý Ta-lét. Lập được các tỉ số của hai đoạn thẳng; vận dụng định lý Ta-Lét tính độ dài đoạn thẳng 	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
40 (Hình học)	§2. Định lý đảo và hệ quả định lý Talet		<ul style="list-style-type: none"> Học sinh nắm vững nội dung định lý đảo của định lý Talet, hiểu được cách chứng minh hệ quả của định lý Talet Vận dụng định lý để xác định được các cặp đường thẳng song song trong hình vẽ với số liệu đã cho. Qua mỗi hình vẽ, học sinh viết được tỉ lệ thức hoặc dãy các tỉ số bằng nhau để tính toán. Giáo dục sự chính xác, suy luận logic, vận dụng. 	<i>Bài tập 14: Khuyến khích học sinh tự làm</i>
45 (Đại số)	Luyện tập		<ul style="list-style-type: none"> Học sinh được củng cố khái niệm và phương pháp giải phương trình tích (dạng có hai hay ba nhân tử bậc nhất) Tiếp tục rèn luyện kỹ năng giải phương trình tích, đồng thời rèn luyện cho học sinh biết nhận dạng bài toán và phân tích đa thức thành nhân tử 	
46 (Đại số)	§5 Phương trình chứa ẩn ở mẫu	22	<p>Khái niệm điều kiện xác định của một phương trình, cách tìm điều kiện xác định (viết tắt là ĐKXĐ) của phương trình, các bước giải phương trình chứa ẩn ở mẫu.</p> <p>Học sinh nắm vững cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu, biết tìm ĐKXĐ của phương trình và bước đổi chiều với ĐKXĐ của phương trình để nhận nghiệm.</p>	<i>Mục 4. Áp dụng: Tự học có hướng dẫn</i>
41 (Hình học)	Luyện tập		<p>Củng cố định lý Talet thuận và đảo, hệ quả của định lý Talet.</p> <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng định lý để xác định được các cặp đường thẳng song song trong hình vẽ với số liệu đã cho. Qua mỗi hình vẽ, học sinh viết được tỉ lệ thức hoặc dãy các tỉ số bằng nhau để tính toán. Giáo dục sự chính xác, suy luận logic, vận dụng. 	
42 (Hình học)	§3. Tính chất đường phân giác của tam giác		<ul style="list-style-type: none"> Học sinh nắm vững nội dung định lý về tính chất đường phân giác, hiểu được cách chứng minh trường hợp AD là tia phân giác của góc A Vận dụng định lý giải được các bài tập trong SGK Giáo dục học sinh cách suy luận trong chứng minh. <p>Phẩm chất, sống yêu thương sống tự chủ, sống có trách nhiệm.</p>	<i>Bài tập 21: Khuyến khích học sinh tự làm</i>
47 (Đại số)	Luyện tập	23	-Củng cố khái niệm ĐKXĐ của một phương trình, cách tìm ĐKXĐ của phương trình, các bước giải phương trình chứa ẩn ở mẫu.	
48 (Đại số)	Chủ đề: Giải bài toán bằng cách lập		HS nắm được các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình, biết chọn ẩn và biểu diễn các đại lượng thông qua ẩn.	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
	phương trình (ghép §6 §7)		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh biết chọn ẩn, đặt điều kiện ẩn, lập phương trình và giải phương trình; vận dụng để giải một số dạng toán bậc nhất. - Tư duy suy luận logic, chính xác, linh hoạt. 	
43 (Hình học)	Luyện tập		Vận dụng định lý giải được các bài tập trong SGK - Giáo dục học sinh cách suy luận trong chứng minh.	
44 (Hình học)	§4. Khái niệm hai tam giác đồng dạng		Học sinh nắm chắc định nghĩa về hai tam giác đồng dạng, tính chất, ký hiệu đồng dạng, tỉ số đồng dạng.	
49 (Đại số)	Chủ đề: Giải bài toán bằng cách lập phương trình	24	Học sinh nắm được các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình, biết chọn ẩn và biểu diễn các đại lượng thông qua ẩn. - Học sinh biết chọn ẩn, đặt điều kiện ẩn, lập phương trình và giải phương trình; vận dụng để giải một số dạng toán bậc nhất. - Tư duy suy luận logic, chính xác, linh hoạt.	<i>?3 Bài 6 Tự học có H. dẫn ?1; ?2 Bài 7 Tự học có h. dẫn</i> <i>Ghép §6, §7, luyện tập và cấu trúc thành 1 bài: “Giải bài toán bằng cách lập pt”:</i> <i>1. Biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn</i> <i>2. Giải bài toán bằng cách lập pt (Chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế)</i>
50 (Đại số)	Chủ đề: Giải bài toán bằng cách lập phương trình (luyện tập)		Học sinh được củng cố cách giải bài toán bằng cách lập pt dạng tìm số lượng, tìm hai số - Có kĩ năng vận dụng lý thuyết vào bài toán thực tế	
45 (Hình học)	Luyện tập		Học sinh biết được cách chứng minh định lý, tìm tỉ số đồng dạng. Nhận biết được các yếu tố bằng nhau. - Giáo dục tư duy linh hoạt, suy luận logic, tính cẩn thận	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
46 (Hình học)	§5. Trường hợp đồng dạng thứ nhất		HS biết được ba định lý về trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác, biết được các bước để chứng minh định lý. -HS rèn kỹ năng vận dụng định lý để nhận biết các cặp tam giác đồng dạng với nhau.	
51 (Đại số)	Ôn tập chương III		Giúp học sinh ôn lại các kiến thức đã học của chương về giải các dạng toán về giải phương trình bậc nhất và phương trình đưa về dạng $ax+b=0$ các quy tắc biến đổi phương trình và các bước giải. -Củng cố và nâng cao các kỹ năng giải phương trình một ẩn phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình tích	
52 (Đại số)	§1 Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng	25	Học sinh nhận biết được về trái, về phải và biết dùng dấu của bất đẳng thức ($>$; $<$; \geq ; \leq); Biết tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng - Biết chứng minh bất đẳng thức nhờ so sánh giá trị các vế ở bất đẳng thức hoặc vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng ở mức đơn giản, bước đầu làm quen trình bày bài toán chứng minh bất đẳng thức	
47 (Hình học)	§6. Trường hợp đồng dạng thứ hai		HS biết được ba định lý về trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác, biết được các bước để chứng minh định lý. -HS rèn kỹ năng vận dụng định lý để nhận biết các cặp tam giác đồng dạng với nhau.	<i>Bài tập 34: Khuyến khích học sinh tự làm</i>
48 (Hình học)	§7. Trường hợp đồng dạng thứ ba		Nắm chắc định lý về trường hợp thứ 3 để 2 Δ đồng dạng (g.g). Biết vận dụng định lý để nhận biết hai tam giác đồng dạng với nhau, biết sắp xếp các đỉnh tương ứng của hai tam giác đồng dạng, lập ra các tỉ số thích hợp để từ đó tính ra được độ dài các đoạn thẳng trong các bài tập phát triển năng lực giao tiếp toán học	
53 (Đại số)	§2 Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân	26	Học sinh nắm được tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân (với số dương và với số âm) ở dạng bất đẳng thức, tính chất bắc cầu của thứ tự - Học sinh biết cách sử dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân, tính chất bắc cầu để chứng minh bất đẳng thức hoặc so sánh các số	
54 (Đại số)	Ôn tập giữa kì II		Hệ thống và củng cố các kiến thức cơ bản của chương III về phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu. Rèn luyện kỹ năng giải các dạng phương trình.	<i>Bài tập 10; 12: Khuyến khích học sinh tự làm</i>

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
			Hệ thống các dạng giải bài toán bằng cách lập phương trình chú ý các bài toán thực tế, nắm các tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, liên hệ giữa thứ tự và phép nhân.	
49 (Hình học)	Ôn tập giữa kì II		Hệ thống kiến thức diện tích hình thang, hình thoi, hình bình hành, các trường hợp đồng dạng của tam giác. Vận dụng linh hoạt các kiến thức trong chương để chứng minh hình học.	
50 (Hình học)	Luyện tập §5; §6 §7.		- HS rèn luyện tính chính xác trong vẽ hình, chứng minh, rèn thái độ học tập nghiêm túc, yêu thích bộ môn	
55 (Đại số)	Luyện tập §1; §2	27	- củng cố các tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, liên hệ giữa thứ tự và phép nhân, tính chất bắc cầu của thứ tự - Sử dụng thành thạo các tính chất của thứ tự giải các bài tập đơn giản về bất đẳng thức Phối hợp linh hoạt và chính xác các quan hệ thứ tự. - Năng lực tư duy, hợp tác, làm việc khoa học	
51 (Hình học)	Luyện tập §5; §6 §7.		HS rèn luyện tính chính xác trong vẽ hình, chứng minh, rèn thái độ học tập nghiêm túc, yêu thích bộ môn	
56 (Đại số)	Kiểm tra giữa kì 2		Kiểm tra kiến thức cơ bản chương III. Qua đó nắm chắc đối tượng học sinh để giúp đỡ các em tiến bộ.	
52 (Hình học)	Kiểm tra giữa kì 2		- Kiểm tra kĩ năng vận dụng kiến thức vào giải bài tập.	
57 (Đại số)	§3 Bất phương trình một ẩn	28	- HS hiểu được thế nào là một bất phương trình bậc nhất, nêu được quy tắc chuyển vế nhân để biến đổi hai bất phương trình tương đương từ đó biết cách giải bất phương trình bậc nhất một ẩn và các bất phương trình có thể đưa về dạng bất phương trình bậc nhất một ẩn. -Biết vận dụng các kiến thức vừa học để giải các bài tập ở sách giáo khoa. - Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác đặc biệt khi nhân hay chia 2 vế của bất phương trình với cùng một số.	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
58 (Đại số)	§4 Bất phương trình bậc nhất một ẩn		HS nắm được hai quy tắc biến đổi bất phương trình và nắm được cách giải bất phương trình bậc nhất và bất phương trình đưa về bậc nhất một ẩn. -Biết giải và trình bày lời giải bất phương trình bậc nhất một ẩn; và bất phương trình đưa về dạng bậc nhất một ẩn	Bài 21; 27: Khuyến Tổ chức dạy học trên lớpkhích học sinh tự làm
53 (Hình học)	§8. Các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông		Học sinh nắm chắc các dấu hiệu đồng dạng của tam giác vuông, nhất là dấu hiệu đặc biệt (dấu hiệu về cạnh huyền và cạnh góc vuông)	Mục 2, ? : Hình c và d giáo viên tự chọn độ dài các cạnh sao cho kết quả khai căn là số tự nhiên
54 (Hình học)	Luyện tập		Vận dụng định lý về hai tam giác đồng dạng để tính tỉ số các đường cao, tỉ số diện tích, tính độ dài các cạnh -Giáo dục tính cẩn thận	
59 (Đại số)	§4 Bất phương bậc nhất một ẩn (tt)	29	- HS nắm vững cách giải bất phương trình bậc nhất -Biết giải và trình bày lời giải bất phương trình bậc nhất một ẩn; và bất phương trình đưa về dạng bậc nhất một ẩn	
60 (Đại số)	Luyện tập §3; §4		Củng cố hai quy tắc biến đổi bất pt và nắm được cách giải bất pt bậc nhất và bất phương trình đưa về bậc nhất một ẩn. -Biết giải và trình bày lời giải bất phương trình bậc nhất một ẩn; và bất phương trình đưa về dạng bậc nhất một ẩn	
55 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm: §9. Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng		Giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đo gián tiếp chiều cao của một vật.	1. Đo gián tiếp chiều cao một vật. Ví dụ: Xác định chiều cao một bức tường, đo tiếp chiều rộng của nó, tính diện tích, sau đó tính số lượng gạch áp tường hoặc ước lượng bao nhiêu sơn cần mua để trang trí phủ khắp bức tường.

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
56 (Hình học)			Giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đo khoảng cách giữa 2 địa điểm trong đó có một địa điểm không thể đến được.	2. Đo khoảng cách giữa hai địa điểm trên mặt đất trong đó có một địa điểm không thể tới được. Ví dụ: Đo khoảng cách giữa hai địa điểm A, B và dự trù kinh phí để bắt đường dây điện qua hai địa điểm này...
61 (Đại số)	§5 Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối	30	Học sinh nắm được cách giải phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối, biết bỏ dấu giá trị tuyệt đối ở biểu thức dạng $ ax $ và dạng $ x + a $ -Học sinh hình thành kỹ năng giải một số phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối dạng $ ax = cx + d$ và dạng $ x + a = cx + d$ - Giáo dục học sinh suy luận và tính chính xác	
62 (Đại số)	Luyện tập §5		Giải thành thạo các phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối	
57 (Hình học)	Ôn tập chương III		Giúp học sinh ôn lại các kiến thức đã học của chương về giải các dạng toán về giải phương trình chứa ẩn ở mẫu và giải bài toán bằng cách lập phương trình, - Củng cố và nâng cao các kỹ năng giải phương trình một ẩn phương trình chứa ẩn ở mẫu và kỹ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình.	Bài 61 khuyến khích học sinh tự làm
58 (Hình học)	§1. Hình hộp chữ nhật §2. Hình hộp chữ nhật (tt)		Học sinh nhận biết qua mô hình hình hộp chữ nhật, nhận biết mặt phẳng và đường thẳng. - Học sinh nhận biết qua mô hình hai đường thẳng song song, đường thẳng song song với mặt phẳng, 2 mặt phẳng song song. Hiểu được các vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian. - Giáo dục học sinh tư duy về không gian và liên hệ thực tế với hình học phẳng.	<i>Mục 2. Đường thẳng song song với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song:</i> <i>Không yêu cầu học sinh giải thích vì sao đường thẳng song song với mặt phẳng và hai mặt phẳng song song với nhau.</i> <i>Bài tập 8 khuyến khích học sinh tự học</i>

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
63 (Đại số)	Ôn tập chương IV	31	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp học sinh ôn lại các kiến thức đã học của chương về liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân, tính chất bắc cầu, bất phương trình và phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối. - củng cố các kỹ năng giải bất phương trình một ẩn, phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối, chứng minh bất đẳng thức. 	
59 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm về hình hộp chữ nhật		Gấp hình hộp chữ nhật, xác định các thành phần của HHCN và quan hệ song song giữa các cạnh, mặt, ... Đo kích thước của HHCN	<i>Chuẩn bị các vật liệu gấp hình hộp chữ nhật, xác định các thành phần của HHCN và quan hệ song song giữa các cạnh, mặt, ... Đo kích thước của HHCN</i>
60 (Hình học)	§3 Thể tích HHCN+ Luyện tập §1 §2 §3		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nắm khái niệm và dấu hiệu nhận biết một đường thẳng vuông góc với một mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc với nhau. Nắm lại công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật - Rèn kỹ năng vận dụng công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật. - Giáo dục HS quy luật của nhận thức: Từ trực quan đến tư duy trừu tượng đến kiểm tra, vận dụng trong thực tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục 1. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng vuông góc: Không yêu cầu học sinh giải thích vì sao đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc với nhau. - Bài tập 12: Khuyến khích học sinh tự làm
61 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm hình thành công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật		HS tự nghiên cứu trên các mô hình về hình hộp chữ nhật đã có ở tiết trước, hướng dẫn tìm mối quan hệ vuông góc giữa các đt, mặt phẳng, đt với mp. Xây dựng công thức tính thể tích HHCN	<i>Tổ chức cho HS tự nghiên cứu trên các mô hình về hình hộp chữ nhật đã có ở tiết trước, hướng dẫn tìm mối quan hệ vuông góc giữa các đt, mặt phẳng, đt với mp. Xây dựng công thức tính thể tích HHCN</i>

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
64 (Đại số)	Ôn tập chương IV	32	<ul style="list-style-type: none"> -Giúp học sinh ôn lại các kiến thức đã học của chương về liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân, tính chất bắc cầu, bất phương trình và phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối. -Củng cố và nâng cao các kỹ năng giải bất phương trình một ẩn, phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối, chứng minh bất đẳng thức. 	
62 (Hình học)	Chủ đề Hình lăng trụ đứng		<p>Trên mô hình trực quan, trên hình vẽ, trong mối liên hệ với hình hộp chữ nhật đã học, giúp học sinh nhận biết hình lăng trụ đứng, gọi tên đúng các hình lăng trụ đứng theo đa giác đáy của nó.</p> <p>HS nắm công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.</p>	Trên mô hình trực quan, giúp HS nhận biết hình lăng trụ đứng, gọi tên đúng các hình lăng trụ đứng theo đa giác đáy của nó. HS nắm công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.
63 (Hình học)	Chủ đề Hình lăng trụ đứng (tt)+ Luyện tập		<p>Học sinh nhận biết được công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng trong mối quan hệ với thể tích hình hộp chữ nhật.</p> <p>-Vận dụng thành thạo công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng trong các bài tập.</p>	<i>*Lưu ý: Thừa nhận, không chứng minh công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng</i>
64 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm về lăng trụ đứng		- Làm mô hình, khai triển hình, xây dựng công thức, áp dụng tính diện tích và áp dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn...	<i>Trải nghiệm: thực hành: làm mô hình HLTĐ, khai triển mô hình HLTĐ để khám phá mối quan hệ giữa các yếu tố trong hình HLTĐ. Tự hình thành công thức tính diện tích xung quanh, thể tích HLTĐ. Đo đạc tính toán các bài toán thực tế</i>
65 (Đại số)	Ôn tập HK II	33	Củng cố cho học sinh các kiến thức cơ bản của chương III, IV.	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
			-Áp dụng các kiến thức đã học vào giải các loại bài tập. Rèn kỹ năng giải các loại bài tập cơ bản trong chương III, IV	
65 (Hình học)	§7. Hình chóp đều và hình chóp cắt đều		- Học sinh tiếp cận và nắm chắc khái niệm hình chóp, hình chóp đều và hình chóp cắt đều, các yếu tố có liên quan như: Đỉnh, cạnh bên, mặt bên, đáy, chiều cao của hình chóp đều và hình chóp cắt đều. -Biết gọi tên các hình chóp theo đa giác đáy, vẽ đúng các hình chóp tam, tứ giác đều theo bốn bước, củng cố khái niệm vuông góc đã học ở các tiết trước. -Giáo dục tư duy suy luận logic và tư duy về không gian.	
66 (Hình học)	Trải nghiệm về . Hình chóp đều và hình chóp cắt đều		- Làm mô hình, khai triển hình, xây dựng công thức, áp dụng tính thể tích và áp dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn... - Tính thể tích trụ cồng trường.	<i>Trải nghiệm:Thực hành: làm mô hình hình chóp đều, hình chóp cắt đều, khai triển mô hình để khám phá mối quan hệ giữa các yếu tố trong hình chóp.</i> <i>Tự hình thành công thức tính diện tích xung quanh, thể tích hình chóp đều.</i> <i>Đo đạc tính toán các bài toán thực tế</i>
67 (Hình học)	§8. Diện tích xung quanh của hình chóp đều §9. Thể tích của hình chóp đều		Hs nắm chắc công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp đều. Có kỹ năng tính toán diện tích của xung quanh hình chóp đều cho HS, kỹ năng vẽ, cắt hình, gấp lại để có một hình trong không gian. Kỹ năng quan sát, nhận biết hình qua nhiều góc nhìn khác nhau.	§8. Diện tích xung quanh của hình chóp đều - Mục 2. Ví dụ: Khuyến khích học sinh tự đọc - Bài tập 42: Khuyến khích học sinh tự làm §9. Thể tích hình chóp đều. <i>*Lưu ý: Thừa nhận, không chứng minh công thức tính thể tích của hình chóp đều</i>

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
				Bài tập: 45, 46: Khuyến khích học sinh tự làm Luyện tập (Bài tập 48, 50: Khuyến khích HS tự làm)
66 (Đại số)	Ôn tập HKII	34	Củng cố cho học sinh các kiến thức cơ bản của chương III, IV. -Áp dụng các kiến thức đã học vào giải các loại bài tập. Rèn kỹ năng giải các loại bài tập cơ bản trong chương III, IV	
68 (Hình học)	Ôn tập chương IV		Hs nắm công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp đều. Có kỹ năng tính toán diện tích của xung quanh hình chóp đều cho HS, kỹ năng vẽ, cắt hình, gấp lại để có một hình trong không gian. Kỹ năng quan sát, nhận biết hình qua nhiều góc nhìn khác nhau.	<i>Bài tập 55; 57; 58: Khuyến khích học sinh tự làm</i>
69 (Hình học)	Hoạt động trải nghiệm		Tổ chức cho học sinh trải nghiệm với các hoạt động như tự làm mô hình, khai triển hình, xây dựng công thức, áp dụng tính diện tích, thể tích và áp dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn...	Giáo viên có thể chọn các phương pháp mô hình hóa, mô hình lớp học đảo ngược... Tổ chức cho HS trải nghiệm với các hoạt động như tự làm mô hình, khai triển hình, xây dựng công thức, áp dụng tính diện tích, thể tích và áp dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn...
70 (Hình học)	Ôn tập học kì II		- Hệ thống các kiến thức của chương III và IV của tam giác đồng dạng và hình lăng trụ đứng, hình chóp đều. - Có kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học để giải một số bài toán cơ bản. Thấy được sự liên hệ giữa các kiến thức đã học và thực tế. - Giáo dục tư duy suy luận logic và tư duy về không gian	
71 (Hình học)	Ôn tập học kì II	35	Hệ thống các kiến thức của chương III và IV của tam giác đồng dạng và hình lăng trụ đứng, hình chóp đều.	

Tiết PPCT	Bài học	Tuần	Yêu cầu cần đạt	Nội dung điều chỉnh
			<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học để giải một số bài toán cơ bản. Thấy được sự liên hệ giữa các kiến thức đã học và thực tế. - Giáo dục tư duy suy luận logic và tư duy về không gian 	
72 (Hình học)	Kiểm tra cuối HK II		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, đánh giá kiến thức cơ bản của năm học. - Kiểm tra kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải bài tập. - Giáo dục cho học sinh tính linh hoạt và chính xác. 	
67 (Đại số)	Kiểm tra cuối HK II			
68 (Đại số)	Trả bài KT HK II		Sửa chữa những sai sót trong quá trình làm bài tập	

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	60 phút	Tuần 9	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức đã học ở chương I hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kỹ năng vận dụng, tính toán. - Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập 	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Cuối Học kỳ I	60 phút	Tuần 18	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kỹ năng vận dụng, tính toán. - Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập 	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 27	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kỹ năng vận dụng, tính toán. - Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập 	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kỹ năng vận dụng, tính toán. - Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập 	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận

3. Các nội dung khác (nếu có):**Bồi dưỡng học sinh giỏi:**

TT (1)	Nội dung (2)	Số tiết(3)	Thời điểm(4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Thiết bị dạy học (6)	Địa điểm dạy học (7)
1	Những hằng đẳng thức đáng nhớ	3	Tuần 9		Máy tính Casio, Tài liệu	Phòng học
2	Các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử	3	Tuần 9			Phòng học
3	Các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử(t)	3	Tuần 10			Phòng học
4	Các bài toán chia hết đối với số nguyên	3	Tuần 10			Phòng học
5	Số chính phương	3	Tuần 11			Phòng học
6	Tính chất chia hết đối với đa thức	3	Tuần 11			Phòng học
7	Biến đổi biểu thức hữu tỷ, biểu thức nguyên	6	Tuần 12			Phòng học
8	Tứ giác	12	Tuần 13; 14		Máy tính Casio, Tài liệu, Thước, Êke, Thước đo góc	Phòng học
9	Các p.pháp vẽ yếu tố phụ trong chứng minh hình học.	3	Tuần 15			Phòng học
10	Phương pháp diện tích trong chứng minh hình học	3	Tuần 15			Phòng học
11	Tìm giá trị lớn nhất nhỏ nhất của một biểu thức.	6	Tuần 16		Máy tính Casio, Tài liệu	Phòng học
12	Phương trình	12	Tuần 19; 20			Phòng học
13	Phương trình nghiệm nguyên	6	Tuần 21			Phòng học
14	Định lý Ta lét	6	Tuần 22		Máy tính Casio, Tài liệu, Thước, Êke, Thước đo góc	Phòng học
15	Tính chất đường phân giác	6	Tuần 23			Phòng học
16	Tam giác đồng dạng	12	Tuần 24; 25			Phòng học
17	Ôn tập	12	Tuần 27; 28			Phòng học

bb) Phụ đạo học sinh yếu: (Theo kế hoạch nhà trường)**TỔ TRƯỞNG**

Tam Kỳ, ngày tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG**Phan Thị Bích Liễu**

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
TỔ: TOÁN – TIN - GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
MÔN: TOÁN – KHỐI LỚP 9
Năm học: 2022 – 2023

1. Đặc điểm tình hình:

1.1. Số lớp: 04; Số học sinh: 165 HS;

1.2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên: 02;

Trình độ đào tạo: Đại học: 02;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02;

1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Eke, thước đo góc, compa	2 bộ	Tất cả các bài học.	
2	Máy tính Casio	2 cái	Hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi CASIO	
3	Giác kế, thước cuộn, cuộn dây, máy tính Casio	4 bộ	§5. Ứng dụng thực tế TSLG của góc nhọn. Thực hành ngoài trời.	
4	Mô hình hình trụ	8 bộ	§1. Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ	
5	Mô hình hình nón, hình nón cụt	8 bộ	§2. Hình nón - Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt. nón	
6	Mô hình hình cầu	8 bộ	§3. Hình cầu - Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường	01	HS Khối 9. Thực hành ngoài trời: Đo chiều cao của cột cờ.	Thực hành theo TKB.

2. Kế hoạch dạy học²

2.1. Phân phối chương trình

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ I				
1	Đại số	1	Chương I. Căn bậc hai. Căn bậc ba §1. Căn bậc hai	- HS hiểu được khái niệm căn bậc hai của một số không âm, ký hiệu căn bậc hai, phân biệt được căn bậc hai dương và căn bậc hai âm của cùng một số dương, định nghĩa căn bậc hai số học. - Tính được căn bậc hai của một số, vận dụng được định lý $0 \leq A < B \Leftrightarrow \sqrt{A} < \sqrt{B}$ để so sánh các căn bậc hai số học.
	Đại số	2	§2 Căn bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $	- Phân biệt được căn thức và biểu thức dưới căn. - Biết cách tìm điều kiện xác định của. Hiểu và vận dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $ khi tính căn bậc hai của một số hoặc một biểu thức là bình phương của một số hoặc một biểu thức khác.
	Đại số	3	<i>Luyện tập</i>	
	Hình	1	Chương I. Hệ thức lượng trong tam giác vuông §1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (tiết 1)	- Hiểu cách chứng minh các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông. - Vận dụng các hệ thức vào giải một số bài tập đơn giản.
2	Đại số	4	§3 Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.	- Hiểu được đẳng thức $\sqrt{ab} = \sqrt{a} \cdot \sqrt{b}$ chỉ đúng khi và chỉ khi a, b không âm. - Vận dụng các qui tắc khai phương một tích và nhân các căn bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.
	Hình	2	§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (tiết 2)	- Hiểu cách chứng minh các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông. - Vận dụng các hệ thức vào giải một số bài tập đơn giản.
	Hình	3-4	<i>Luyện tập</i>	

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
3	Đại số	5	<i>Luyện tập</i>	- Vận dụng kiến thức về căn bậc hai số học và mối liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương để giải các dạng bài tập.
	Đại số	6	§4 Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.	- Hiểu được đẳng thức $\sqrt{\frac{a}{b}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}$ chỉ đúng khi và chỉ khi a, b không âm - Vận dụng các qui tắc khai phương một thương và chia hai căn bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.
	Hình	10-11	§2. Tỷ số lượng giác của góc nhọn	- Hiểu các định nghĩa: $\sin \alpha$, $\cos \alpha$, $\tan \alpha$, $\cot \alpha$. - Vận dụng được các tỉ số lượng giác để giải bài tập.
4	Đại số	7	<i>Luyện tập</i>	- Vận dụng kiến thức về khai phương một thương và chia hai căn bậc hai để giải các dạng bài tập.
	Hình	7	<i>Luyện tập</i>	- Biết vận dụng các tỉ số lượng giác để giải bài tập có liên quan
	Đại số	8	Hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi CASIO	- Hiểu được cách sử dụng MTBT Casio fx 570 ES PLUS, 570 VN PLUS để tính các căn bậc hai và các tỉ số lượng giác của một góc nhọn và ngược lại tìm số đo góc nhọn khi biết TS lượng giác
	Hình	8		- Thực hành sử dụng MTBT để tính các biểu thức chứa căn bậc hai và TSLG của 1 góc nhọn và ngược lại tính số đo góc nhọn khi biết TSLG của góc đó
5	Hình	9-10	§4. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông.	- Hiểu cách chứng minh các hệ thức giữa cạnh và góc của tam giác vuông. - Hiểu được thuật ngữ : “giải tam giác vuông”. - Vận dụng được các hệ thức trên vào giải các bài tập và giải quyết một số bài toán thực tế.
	Đại số	9	.Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai. 1. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn	- Hiểu được cơ sở của phép biến đổi đưa thừa số ra ngoài dấu căn và đưa thừa số vào trong dấu căn là dựa vào định lý liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương. Biết cách khử mẫu của biểu thức lấy căn. -Biết cách trục căn thức ở mẫu. Chọn được biểu thức liên hợp để biến đổi trục căn trong trường hợp mẫu ở dạng tổng, hiệu của hai căn bậc hai. - Thực hiện được đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu
	Đại số	10	3. Khử mẫu của biểu thức lấy căn 4. Trục căn thức ở mẫu	
6	Đại số	11	<i>Luyện tập</i>	

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
	Đại số	12	§8. Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai	- Biết cách phối hợp các phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các bài tập rút gọn biểu thức.
	Hình	11-12	<i>Luyện tập</i>	- Củng cố các hệ thức quan hệ về cạnh và góc trong tam giác vuông. - Vận dụng được các hệ thức trong việc giải tam giác vuông.
7	Đại số	13	<i>Luyện tập</i> – Kiểm tra thường xuyên 15ph	- Rút gọn được các biểu thức có chứa căn bậc hai trong một số trường hợp đơn giản. Bước đầu biết kết hợp các phép biến đổi.
	Đại số	14	§9. Căn bậc ba	- Hiểu khái niệm căn bậc ba của số thực. - Tính được CBB của một số biểu diễn thành lập phương của một số khác.
	Hình	13-14	§5. Ứng dụng thực tế TSLG của góc nhọn. Thực hành ngoài trời.	- Biết xác định chiều cao của một vật thể mà không cần lên điểm cao của nó. Biết xác định khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một điểm khó tới được. - Rèn kỹ năng đo đạc thực tế, ý thức làm việc tập thể.
8	Đại số	15-16	Ôn tập chương I.	- Nắm được các kiến thức cơ bản về căn bậc hai một cách hệ thống. - Vận dụng được các phép tính về căn bậc hai và các phép biến đổi đơn giản về căn bậc hai để tính toán, biến đổi biểu thức số, phân tích đa thức thành nhân tử, giải phương trình,...
	Hình	15-16	Ô tập chương I	- Hệ thống hóa các kiến thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông, các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn và quan hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau, các hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông; Rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính bỏ túi để tính các tỉ số lượng giác hoặc số đo góc. - Vận dụng thành thạo các hệ thức trong giải toán và giải quyết một số bài toán thực tế.
9	Đại số	17	Ôn tập giữa kỳ	- Nắm được các kiến thức cơ bản. - Vận dụng được các phép tính về căn bậc hai và các phép biến đổi đơn giản về căn bậc hai để tính toán, biến đổi biểu thức số, phân tích đa thức thành nhân tử, giải phương trình,...
	Hình	17	Ôn tập giữa kỳ	- Nắm được các kiến thức cơ bản. Rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính bỏ túi để tính các tỉ số lượng giác hoặc số đo góc. - Vận dụng thành thạo các hệ thức trong giải toán và giải quyết một số bài toán thực tế.
	Đại	18	Kiểm tra, đánh giá giữa HK1	- Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra
	Hình	18		- Rèn kỹ năng vận dụng, tính toán. Chăm thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
10	Đại số	19	Chương II. Hàm số bậc nhất §1. Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số.	<ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm về “hàm số”, “biến số”; Đồ thị của hàm số $y = f(x)$. Bước đầu nắm được khái niệm hàm số đồng biến trên R, nghịch biến trên R. - Tính thành thạo các giá trị của hàm số khi cho trước giá trị biến số; Biết biểu diễn các cặp số $(x; y)$ trên mặt phẳng tọa độ; Biết vẽ thành thạo đồ thị hàm số $y = ax$.
	Đại số	20	<i>Luyện tập</i>	
	Hình	19	Chương II. Đường tròn. §1. Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được định nghĩa và sự xác định một đường tròn, đường tròn ngoại tiếp tam giác và tam giác nội tiếp một đường tròn. - Biết cách dựng đường tròn qua 3 điểm không thẳng hàng, biết chứng minh bốn điểm cùng nằm trên một đường tròn.
	Hình	20	<i>Luyện tập</i>	
11	Hình	21	§2. Đường kính và dây của đường tròn	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đường kính là dây cung lớn nhất của đường tròn. - Hiểu được quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây. - Biết cách tìm mối liên hệ giữa đường kính và dây cung.
	Hình	22	§3. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các định lý về liên hệ giữa dây cung và khoảng cách đến tâm - Biết vận dụng các định lý trên để so sánh độ dài hai dây, so sánh các khoảng cách từ tâm đến dây.
	Đại số	21	§2. Hàm số bậc nhất. Khái niệm và tính chất <i>Không c/m các tính chất của h/s bậc nhất</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khái niệm và các tính chất của hàm số bậc nhất. Hiểu được đồ thị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) - Chỉ ra tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất. - Biết vẽ, vẽ đúng đồ thị hàm số bậc nhất.
	Đại số	22	§3. Hàm số bậc nhất. Đồ thị và cách vẽ <i>Không yêu cầu vẽ đồ thị với hệ số là số vô tỉ</i>	
12	Đại số	23	<i>Luyện tập chung</i>	
	Đại số	24	§4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững được điều kiện hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau. - HS biết vận dụng lý thuyết vào việc giải các bài toán tìm giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
	Hình	23	<i>Luyện tập - Kiểm tra thường xuyên 15 phút</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố các định lý về quan hệ vuông góc đường kính và dây, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
				- Vận dụng các định lý đã học vào giải các bài toán đơn giản về so sánh hai đoạn thẳng, chứng minh hai đoạn bằng nhau. Biết chứng minh nhiều điểm nằm trên 1 đường tròn bằng định nghĩa.
	Hình	24	§4. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	- Hiểu được vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, các khái niệm tiếp tuyến, tiếp điểm. Nắm được các hệ thức giữa các khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính đường tròn ứng với từng vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. - Biết vận dụng các kiến thức trong bài để nhận biết các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. Thấy được một số hình ảnh về vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn trong thực tế.
13	Đại số	25	§4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau- <i>Luyện tập</i>	- Củng cố kiến thức về hai đường thẳng cắt nhau, song song, và trùng nhau. Có kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất. - Biết cách xác định hệ số a,b trong một bài toán cụ thể, xác định được giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
	Đại số	26	§5. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) <i>Ví dụ 2 không dạy; Không yêu cầu giải BT 31</i>	- Nắm vững khái niệm góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox, khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ - HS biết tính góc α hợp bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox
	Hình	25	§5. Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.	- Hiểu được các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn, biết vẽ tiếp tuyến tại một điểm của đường tròn,
	Hình	26	<i>Luyện tập</i> về dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến	- Biết vận dụng các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của một đường tròn vào các bài tập tính toán và chứng minh.
14	Đại số	27	<i>Luyện tập</i>	- Củng cố mối liên hệ giữa hệ số a và góc α (góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox) - Xác định hệ số góc a, hàm số $y = ax+b$, vẽ đồ thị hàm số $y = ax+b$, tính góc α , tính chu vi và diện tích tam giác trên MPTĐ.
	Đại số	28	Ôn tập chương II	- Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản của chương - Vẽ đths của hs bậc nhất, xác định được góc của đường thẳng $y=ax+b$ và trục Ox; Xác định được hàm số $y=ax+b$ thỏa mãn điều kiện của đề bài

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
	Hình	27	§6. Tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau; nắm được thế nào là đường tròn nội tiếp tam giác, tam giác ngoại tiếp đường tròn; hiểu được đường tròn bàng tiếp tam giác. - Biết vẽ đường tròn nội tiếp tam giác cho trước. - Chứng minh được tính chất 2 tiếp tuyến cắt nhau và vận dụng vào bài tập.
	Hình	28	<i>Luyện tập</i> - Tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau	
15	Đại số	29	Ôn tập chương II – Kiểm tra thường xuyên 15p Bài tập 37d, 38c HS tự học có hướng dẫn của GV	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản của chương - Vẽ đths của hs bậc nhất, xác định được góc của đường thẳng $y=ax+b$ và trục Ox, Xác định được hàm số $y=ax+b$ thỏa mãn điều kiện của đề bài
	Đại số	30	Chương III. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn §1. Phương trình bậc nhất hai ẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm và nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn. Hiểu tập nghiệm của phương trình bậc nhất 2 ẩn và biểu diễn hình học của nó - Biết cách tìm công thức nghiệm tổng quát và vẽ đường thẳng biểu diễn tập nghiệm của một pt bậc nhất 2 ẩn
	Hình	29-30	§7. Vị trí tương đối của hai đường tròn	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được ba vị trí tương đối của hai đường tròn, tính chất hai đường tròn tiếp xúc với nhau, tính chất hai đường tròn cắt nhau. Nắm được hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính của hai đường tròn ứng với từng vị trí của hai đường tròn. Hiểu được khái niệm tiếp tuyến chung của hai đường tròn. Biết xác định vị trí tương đối của hai đường tròn dựa vào hệ thứ.
16	Hình	31	<i>Luyện tập</i> - Vị trí tương đối của hai đường tròn	<ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng tính chất của hai đường tròn cắt nhau, tiếp xúc nhau vào các bài tập. Biết vẽ tiếp tuyến chung của hai đường tròn. Thấy được hình ảnh của một số vị trí tương đối của hai đường tròn trong thực tế.
	Hình	32	Ôn tập chương II	<ul style="list-style-type: none"> - HS ôn tập các kiến thức về tính chất đối xứng, liên hệ giữa dây và khoảng cách đến tâm, vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của hai đường tròn. Vận dụng các kiến thức về đường tròn cho toán tính toán và chứng minh.
	Đại số	31	§2. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (Lấy kết quả câu hỏi 2 trang 25 vào sử dụng để nhận biết vị trí tương đối 2 đường thẳng)	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm hệ 2 pt bậc nhất 2 ẩn và nghiệm của nó. Phương pháp minh họa hình học nghiệm của hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn. Hiểu khái niệm hai phương trình tương đương - Vẽ hình minh họa tập nghiệm của hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn.
	Đại số	32	§3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp thế.

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
17	Đại số	33	<i>Luyện tập</i> - Giải HPT bằng phương pháp thế	- Giải được hệ phương trình bằng phương pháp thế. Không bị lúng túng khi gặp các TH đặc biệt (hệ VN hoặc hệ có VSN).
	Hình	33-34	Ôn tập học kỳ I	- Hệ thống hoá các kiến thức về phần hình học đã học trong chương trình. - Vận dụng kiến thức vào việc giải bài tập. Áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
	Đại số	34	Ôn tập học kỳ I	- củng cố kiến thức về căn bậc 2, khái niệm hàm số, đồ thị $hs y=ax+b$, hs đồng biến, nghịch biến, vị trí tương đối của 2 đường thẳng và hệ số góc của 2 đường thẳng $y=ax+b$ với trục Ox - HS vận dụng được kiến thức để giải một số bài tập
18	Đại số	35		- Kiểm tra sự lĩnh hội kiến thức của học sinh trong chương trình đại số và hình học học kỳ I. Rèn kĩ năng tư duy tính toán chính xác, hợp lí. - Nghiêm túc trong giờ kiểm tra
	Đại số	36	Kiểm tra, đánh giá cuối HK1	
	Hình	35		
	Hình	36	Trả bài kiểm tra, đánh giá HK I	Bài kiểm tra của HS, Hướng dẫn chấm.
HỌC KỲ II				
19	Đại số	37-38	§4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số. <i>Luyện tập</i>	- Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số. - Giải được hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp cộng đại số.
	Hình	37	Chương III. Góc với đường tròn §1 .Góc ở tâm. Số đo cung.	- Hiểu khái niệm góc ở tâm, số đo của một cung. - Đo góc ở tâm, xác định đúng số đo góc ở tâm, so sánh các góc ở tâm, các cung bị chắn.
	Hình	38	<i>Luyện tập</i>	
20	Hình	39	§2. Liên hệ giữa cung và dây	- Nhận biết được mối liên hệ giữa cung và dây. - Vận dụng định lí để so sánh độ lớn các góc, các cung, các dây....giải một số bài toán liên quan.
	Hình	40	§3. Góc nội tiếp	- Nhận biết được góc nội tiếp trên một đường tròn và hiểu được định lý số đo góc nội tiếp. - Vận dụng định lí, hệ quả để giải một số bài toán liên quan
	Đại số	39	<i>Luyện tập</i> - Giải hệ bằng máy tính Casio	- Biết cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn (dạng chuẩn) trên MTBT - Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính CASIO
	Đại số	40	Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình	- Biết cách chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. - Vận dụng các bước giải bài toán bằng cách lập hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
			- Ví dụ 1;2	
21	Đại số	41-42	Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình - Ví dụ 3. Luyện tập	
	Hình	41	<i>Luyện tập góc nội tiếp</i>	- Củng cố về định nghĩa góc nội tiếp, định lý liên hệ giữa góc nội tiếp với số đo của cung bị chắn từ đó rút ra được hệ quả. - Vận dụng các kiến thức về liên hệ giữa góc nội tiếp với số đo của cung bị chắn và các hệ quả vào giải một số dạng toán.
	Hình	42	§4. Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	- Nhận biết được góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, hiểu được định lý về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung .
22	Hình	43	<i>Luyện tập</i>	
	Hình	44	§5. Góc có đỉnh bên trong, bên ngoài đường tròn.	- Nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn. - Biết tính số đo các góc trên.
	Đại số	43	Ôn tập chương III- Kiểm tra thường xuyên 15 phút	- Hệ thống kiến thức về hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn. - Giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn và giải bài toán bằng cách lập hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn.
	Đại số	44	Chương IV. Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Phương trình bậc hai một ẩn §1; §2 . Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). 1. Ví dụ mở đầu. 2. Tính chất	- Thấy được nhu cầu phải xét hàm số dạng $y = ax^2 (a \neq 0)$ qua ví dụ cụ thể. - Nhận biết các tính chất của hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ qua bảng những giá trị tương ứng của x và y hoặc nhờ đồ thị. - Biết vẽ đồ thị của hs $y = ax^2 (a \neq 0)$ với a là số hữu tỉ.
23	Đại số	45 - 46	3. Đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). <i>Luyện tập</i>	
	Hình	45	<i>Luyện tập - Kiểm tra thường xuyên 15 phút</i>	- Củng cố góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn. - Vận dụng các định lý về số đo của góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn giải một số bài tập. - Củng cố các kiến thức về góc tạo bởi cát tuyến của đường tròn đã học.
	Hình	46	§6. Cung chứa góc. <i>không yêu cầu làm ?2, không yêu cầu chứng minh phần a,b.</i>	- Hiểu bài toán quỹ tích cung chứa góc. Đặc biệt là cung chứa góc 90° . - Vận dụng bài toán quỹ tích cung chứa góc vào bài toán quỹ tích và dựng hình đơn giản.

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
24	Hình	47	<i>Luyện tập</i>	
	Hình	48	§7. Tứ giác nội tiếp <i>.(không yêu cầu c/m đ/li đảo)</i>	- Hiểu định nghĩa tứ giác nội tiếp, tính chất về góc của tứ giác nội tiếp; biết rằng có những tứ giác nội tiếp được và có những tứ giác không nội tiếp được bất kì đường tròn nào. - Sử dụng tính chất của tứ giác nội tiếp vào làm toán.
	Đại số	47	§3. Phương trình bậc hai một ẩn	- Hiểu khái niệm Phương trình bậc hai một ẩn. - Lấy được ví dụ về Phương trình bậc hai một ẩn - Biết phương pháp giải riêng các phương trình hai dạng đặc biệt, giải thành thạo các phương trình thuộc hai dạng đặc biệt đó.
	Đại số	48	§4. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai Công thức nghiệm tổng quát	- Hiểu cách biến đổi pt $ax^2 + bx + c = 0$ để tìm công thức nghiệm. Biết tính $\Delta = b^2 - 4ac$ và các điều kiện của Δ để pt bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt, nắm được công thức tìm nghiệm tổng quát pt bậc hai.
25	Đại số	49	Công thức nghiệm của phương trình bậc hai <i>Luyện tập</i>	- Hiểu được cách biến đổi để tìm công thức nghiệm thu gọn, nắm vững được cách tính Δ' , công thức tính nghiệm khi b chẵn. - Giải phương trình bậc hai bằng cách sử dụng công thức nghiệm.
	Đại số	50	Công thức nghiệm của phương trình bậc hai Công thức nghiệm thu gọn	- Thấy được lợi ích của công thức nghiệm thu gọn Xác định được b' , tính được Δ' , sử dụng được công thức nghiệm thu gọn để giải pt bậc 2 trong trường hợp $b=2b'$.
	Hình	49	<i>Luyện tập</i>	- Vận dụng các tính chất của tứ giác nội tiếp vào bài tập tính góc trong tứ giác tứ giác nội tiếp, vận dụng dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp chứng minh tứ giác nội tiếp và các dạng toán liên quan.
	Hình	50	§8. Đường tròn ngoại tiếp. Đường tròn nội tiếp	- Hiểu được định nghĩa và tính chất của đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp một đa giác. Biết được bất kì đa giác đều nào cũng có một và chỉ một đường tròn ngoại tiếp, một và chỉ một đường tròn nội tiếp. - Biết công thức tính độ dài cạnh: Tam giác đều, cạnh hình vuông, cạnh của lục giác đều khi các đa giác này nội tiếp đường tròn. - Biết vẽ tâm của đa giác đều, từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một đa giác đều cho trước. Tính được cạnh a theo R và ngược lại tính được R theo a của tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.
26	Đại số	51	<i>Luyện tập chung</i>	- Giải phương trình bậc hai bằng cách sử dụng công thức nghiệm, công thức nghiệm thu gọn. - Giải các phương trình bậc hai dạng đặc biệt. - Giải phương trình bậc hai bằng máy tính CASIO

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
	Đại số	52	Ôn tập giữa kỳ II	- Hệ thống kiến thức về hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn. - Giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn và giải bài toán bằng cách lập hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn.
	Hình	51	§9. Độ dài đường tròn, độ dài cung tròn. <i>(không yêu cầu HS làm ?1)</i>	- HS nhớ công thức tính độ dài đường tròn $C = 2\pi R$ (hoặc $C = \pi d$), biết số pi (π) là gì. - Rèn kĩ năng vận dụng các công thức $C = 2\pi R$, $C = \pi d$ vào tính các đại lượng chưa biết của công thức để giải một số bài toán thực tế.
	Hình	52	Ôn tập giữa kỳ II	- Hệ thống kiến thức về đường tròn. - Vận dụng các định lý vào giải các bài toán thực tiễn
27	Đại số	53	Ôn tập giữa kỳ II (tiết 2)	- Hệ thống kiến thức về hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn. - Giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn và giải bài toán bằng cách lập hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn.
	Hình	53	Ôn tập giữa kỳ II (tiết 2)	- Hệ thống kiến thức về đường tròn. - Vận dụng các định lý vào giải các bài toán thực tiễn
	Đại số	54	Kiểm tra, đánh giá giữa HKII	- Kiểm tra kiến thức trong chương trình đại số và hình học đầu học kì II.
	Hình	54		- Rèn kĩ năng tư duy tính toán chính xác, hợp lí. - Nghiêm túc, tự lực, cẩn thận.
28	Đại số	55-56	§6. Hệ thức Vi ét và ứng dụng	- Hiểu và nắm vững hệ thức Vi-ét. - Vận dụng được định lí Vi-ét để tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai một ẩn, tìm hai số biết tổng và tích của chúng.
	Hình	55	§10. Diện tích hình tròn, hình quạt tròn	- Biết được công thức tính diện tích hình tròn bán kính R là $S = \pi R^2$ - Biết được công thức tính diện tích hình quạt tròn của cung n° là
	Hình	56	<i>Luyện tập</i>	$S = \frac{\pi R^2 n}{360}$ hay $S = \frac{l.R}{2}$. - Vận dụng các công thức này vào giải các bài toán có liên quan.
29	Đại số	57	<i>Luyện tập</i>	- Củng cố hệ thức Vi-et - Vận dụng thành thạo hệ thức Vi-ét để nhẩm nghiệm, để tìm 2 số khi biết tổng và tích của chúng, để phân tích đa thức thành nhân tử.
	Đại số	58	§7. Phương trình quy về phương trình bậc hai.	- Biết nhận dạng phương trình đơn giản quy về phương trình bậc hai và biết đặt ẩn phụ thích hợp để đưa phương trình đã cho về phương trình bậc hai đối với ẩn phụ. - Giải được một số phương trình đơn giản quy về phương trình bậc hai.

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
	Hình	57	Ôn tập chương III <i>Không yêu cầu giải bài 99</i>	- Hệ thống hoá kiến thức của chương về số đo cung, liên hệ giữa cung, dây và đường kính, các loại góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp, đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp đa giác đều, cách tính độ dài đường tròn, cung tròn, diện tích hình tròn, hình quạt tròn - Vận dụng các kiến thức vào việc giải bài tập về tính toán các đại lượng liên quan tới đường tròn, hình tròn.
	Hình	58	Chương IV. Hình trụ - Hình nón – Hình cầu	- Hiểu các khái niệm về hình trụ (đáy của hình trụ, trục, mặt xung quanh, đường sinh, độ dài đường cao, mặt cắt khi nó song song với trục hoặc song song với đáy), công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ. - Vận dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ.
30	Hình	59	Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ	- Vận dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ.
	Đại số	59	<i>Luyện tập</i>	- Củng cố cách giải pt trùng phương, pt chứa ẩn ở mẫu, pt tích. - Giải được một số phương trình đơn giản quy về phương trình bậc hai.
	Đại số	60-61	§8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	- Biết cách chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. - Vận dụng các bước giải bài toán.
31	Đại số	62-63	Luyện tập giải bài toán bằng cách lập PT <i>Kiểm tra thường xuyên 15p</i>	- Củng cố kỹ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình qua các bước phân tích để tìm ra mối quan hệ giữa các đại lượng - Biết áp dụng kiến thức đã học vào giải toán.
	Hình	60-61	Hình nón - Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt. nón	- Biết được các khái niệm về hình nón: đáy, mặt xung quanh, đường sinh, đường cao của hình nón và các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón. - Vận dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình nón.
32	Đại số	64-65	Ôn tập chương IV	- Ôn tập một cách có hệ thống kiến thức của chương: - Hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$; Giải phương trình bậc hai một ẩn. - Hệ thức Vi-ét và vận dụng để tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai. Tìm 2 số biết tổng và tích của nó. - Rèn luyện kỹ năng giải phương trình bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu phương trình tích.
	Hình	62-63	Hình cầu - Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu <i>Không yêu cầu giải bài 36,37</i>	- Hiểu các khái niệm về hình cầu: tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu. Hiểu được mặt cắt của hình cầu bởi một mặt phẳng luôn là một hình tròn. - Vận dụng công thức tính diện tích mặt cầu và vận dụng vào thực tế.
33	Đại số	66-67	Ôn tập cuối HK II	- Ôn tập các kiến thức cơ bản về hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$, pt bậc hai 1 ẩn.

Tuần	Phân môn	Tiết	Bài học	Yêu cầu cần đạt
				- Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài tập tổng hợp.
	Hình	64-65	Ôn tập chương IV <i>Không yêu cầu giải bài 44</i>	- Hệ thống hóa các kiến thức về hình trụ, hình nón, hình cầu. - Vẽ hình không gian, kĩ năng áp dụng công thức vào giải toán.
34	Đại số	68	Ôn học kỳ cuối năm	- Ôn tập một cách có hệ thống kiến thức của chương trình ĐS 9.
	Hình	66-67	Ôn tập cuối HK II	- Hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về đường tròn và góc với đường tròn. - Giải bài tập TN và bài tập TL về toán có liên quan đến đường tròn.
	Hình	68	Ôn học kỳ cuối năm <i>(Không y/cầu giải bài 14,17)</i>	- Ôn tập một cách có hệ thống kiến thức của chương trình HH 9.
35	Đại số	69	Kiểm tra, đánh giá cuối HKII	- Kiểm tra mức độ nắm bắt kiến thức của học sinh về nội dung chương trình ĐS 9, HH 9. - Kiểm tra, đánh giá kỹ năng vận dụng của học sinh vào từng dạng bài.
	Hình	69		
	Đại số	70	Trả bài kiểm tra HKII	- Đánh giá kiến thức đã học - Hiểu cách trình bày bài. Biết được các lỗi khi làm toán - Ý thức học tập, tính độc lập suy nghĩ, cẩn thận, chính xác trong việc tính toán, phát huy những ưu điểm và xem lại những phần còn hạn chế để rút kinh nghiệm cho việc học toán
	Hình	70		

2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức(4)
Giữa Học kỳ I	90 phút	Tuần 9	- Vận dụng được các kiến thức đã học ở chương I hoàn thành tốt bài kiểm tra. Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Cuối Học kỳ I	90 phút	Tuần 18	- Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần 26	- Vận dụng được các kiến thức đã học ở chương III hoàn thành tốt bài kiểm tra. Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần 35	- Vận dụng được các kiến thức đã học hoàn thành tốt bài kiểm tra - Rèn kĩ năng vận dụng, tính toán. Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc trong học tập	Làm bài trên giấy với sự kết hợp giữa TNKQ và Tự luận

3. Các nội dung khác (nếu có):**a) Bồi dưỡng học sinh giỏi:**

TT (1)	Nội dung (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Thiết bị dạy học (6)	Địa điểm dạy học (7)
1	Căn thức bậc hai	9	Tuần 1	,,,	Máy tính Casio, Tài liệu	Phòng học.
2	Bất đẳng thức – Cực trị	6	Tuần 2			Phòng học.
3	Phương trình nghiệm nguyên	3	Tuần 2			Phòng học.
4	Phương trình	9	Tuần 3			Phòng học.
5	Một số bài toán số học	3	Tuần 4			Phòng học.
6	Tam giác đồng dạng	6	Tuần 4			Phòng học.
7	Hệ thức giữa cạnh và đường cao trong tam giác vuông. Giải đề ôn tập	9	Tuần 5			Phòng học.
8	Tỉ số lượng giác của góc nhọn, Giải đề ôn tập	9	Tuần 6			Phòng học.
9	Ôn tập	6	½ Tuần 7			Phòng học.
10	Hàm số, Đồ thị hàm số bậc nhất	9	Tuần 8			Phòng học.
	Đường tròn	9	Tuần 9			Phòng học.
11	Ôn tập	9	Tuần 10			Phòng học.
12	Ôn tập – giải đề	9	Tuần 11			Phòng học.

b) Phụ đạo học sinh yếu kém: (Theo kế hoạch của nhà trường)**TỔ TRƯỞNG****Phan Thị Bích Liễu***Tam Kỳ, ngày tháng 9 năm 2022***HIỆU TRƯỞNG**